

Số: /BC-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2024

**Dự thảo**

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc  
phòng an ninh năm 2024, Kế hoạch năm 2025**

(Trình kỳ họp thứ hai mươi, HĐND thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021 – 2026)

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG – AN NINH NĂM 2024**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 được triển khai trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Ngay từ đầu năm, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND thành phố về giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện các Đề án, Nghị quyết với các giải pháp trọng tâm, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; Trung ương và tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn cơ chế chính sách để giải quyết những bất cập, đặc biệt là trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, Đề án, Nghị quyết của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, kinh tế xã hội chưa thật sự có sự tăng trưởng kinh bền vững, thị trường bất động sản trầm lắng, việc phát triển sản xuất kinh doanh của người dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn,...

Trước bối cảnh trên, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã đề ra nhiều biện pháp quan trọng đồng thời, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu, đồng lòng khắc phục mọi khó khăn của các cơ quan, đơn vị và Nhân dân các dân tộc thành phố, tình hình kinh tế - xã hội của thành phố năm 2024 đã đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện trên các mặt như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

**1. Về phát triển kinh tế**

**1.1. Thương mại - dịch vụ, du lịch**

Về thương mại - dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực hiện cả năm đạt 4.475 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2023 (Trong đó: Thương nghiệp (theo giá hiện hành) ước đạt 4.227 tỷ đồng; Dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 248 tỷ đồng). Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường,

chống buôn lậu và gian lận thương mại, đã kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. <sup>(1)</sup>

Các hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển và mở rộng; đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm truyền thống địa phương, sản phẩm OCOP trên Sàn thương mại điện tử tỉnh Lai Châu và các nền tảng ứng dụng mạng xã hội facebook, tiktok, zalo,... Phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức triển khai các hoạt động kết nối, giao thương trong nước và nước ngoài <sup>(2)</sup>.

Về du lịch: Tiếp tục triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, xây dựng kế hoạch phát triển du lịch<sup>(3)</sup>, tuyên truyền, hướng dẫn 23 cơ sở lưu trú, khách sạn và hơn 50 nhà hàng chuẩn bị tốt các điều kiện, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ Nhân dân và du khách đến thăm quan và trải nghiệm tại thành phố. Tập trung triển khai thực hiện xây dựng điểm du lịch cộng đồng bản Gia Khâu 1 - xã Sùng Phài trở thành sản phẩm OCOP năm 2024 <sup>(4)</sup>. Hướng dẫn Nhân dân bản San Thành 1, xã San Thành tích cực trong chuyển đổi mô hình kinh tế, phát triển dịch vụ du lịch gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc phục vụ phát triển dịch vụ du lịch. Ước năm 2024, thành phố đón 228.643 lượt khách, đạt 100% so với kế hoạch giao và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu ước đạt 385 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao.

## ***1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Tổng lũy kế giá trị sản xuất ước đạt 643,2 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2023, (*Phân theo ngành công nghiệp: Công nghiệp khai khoáng 11 tỷ đồng; Công nghiệp chế biến chế tạo 396,4 tỷ đồng; Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải 25,8 tỷ đồng; CN khác 210 tỷ đồng*). Sản phẩm chủ yếu tập trung vào các ngành, lĩnh vực như khai thác đá (47.800 m<sup>3</sup>) sản xuất xi măng (6.000 tấn) gạch xây dựng các loại (7.490.000 viên) sản xuất rượu (384.000 lít) chế biến chè (3.027 tấn) sản xuất nước máy (3.225.000 m<sup>3</sup>).

## ***1.3. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản***

<sup>(1)</sup> Số vụ vi phạm đã phát hiện xử lý 53 vụ, trong đó: 03 vụ giả dược; 20 vụ hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; 01 vụ vi phạm trực tiếp bán thuốc không có bằng cấp chuyên môn; 01 vụ vi phạm về thú y; 05 vụ kinh doanh hàng nhập lậu; 01 vụ giả nhãn hiệu; 03 vụ vi phạm kinh doanh không có giấy phép kinh doanh; 16 vụ vi phạm không niêm yết giá; 01 vụ vi phạm không dán tem trong kinh doanh rượu; 01 vụ hàng giả; 01 vụ vi phạm về giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ LPG (chai) đã hết thời hạn. Tổng số tiền XPVPHC là 194 trđ; hàng hóa tịch thu và tiêu hủy trị giá 61 trđ.

<sup>(2)</sup> Thông tin và mời tham gia Đoàn khảo sát, giao dịch thương mại và đầu tư tại Australia, Trung Quốc. Thành lập Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng xã NTM, NTM nâng cao gắn với phát triển du lịch và XTTM, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm OCOP thành phố Lai Châu tại Thái Nguyên và Tuyên Quang (*trong đó: Có 07 chủ thể sản phẩm OCOP thành phố tham gia Đoàn công tác*). Tổ chức cho các Chủ thể OCOP thành phố tham dự Lễ ra mắt Hệ thống XTTM CUCAIDO tại thành phố Hà Nội theo nội dung Giấy mời của Liên hiệp Hợp tác xã Nông sản Thái Nguyên với tổng số 20 thành viên (*trong đó: có 16 Chủ thể sản phẩm OCOP*) tham gia. Thông tin và triển khai đăng ký tham gia gian hàng trưng bày các sản phẩm Chè và OCOP tại Lễ hội Trà và Tuần Văn hóa - Du lịch lần thứ nhất huyện Tân Uyên năm 2024. Thông tin danh sách các doanh nghiệp nhập khẩu tại Đài Loan. Thông tin, giới thiệu cơ hội kinh doanh tại Trung tâm thương mại Vincom Plaza Điện Biên. Đăng ký tham gia Đoàn giao thương XTTM tại tỉnh Chiết Giang và Giang Tô của Trung Quốc; thông tin mời tham gia Đoàn giao dịch thương mại tại Nam Phi.

<sup>(3)</sup> Ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động Văn hóa, Thể thao, Du lịch thành phố trong năm 2024; Kế hoạch tổ chức các hoạt động “*Mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024*”; Kế hoạch tổ chức Tuần Văn hóa - Lễ hội và Du lịch xuân Giáp Thìn năm 2024; Kế hoạch xây dựng khu Du lịch cộng đồng bản Gia Khâu 1, xã Sùng Phài trở thành sản phẩm OCOP; Đăng ký danh sách học viên tham gia lớp tập huấn lễ tân Homestay và lớp tập huấn nghiệp vụ đón tiếp khách du lịch cho các điểm du lịch gửi Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh. Đăng ký danh sách học viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cho các điểm du lịch.

<sup>(4)</sup> Chỉ đạo hoàn thiện công tác cải tạo cơ sở hạ tầng (*cải tạo nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước thải,...*), tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường điểm du lịch, hoàn thành không gian giới thiệu các hoạt động trải nghiệm văn hóa dân tộc Mông, xây dựng 02 mô hình Homestay, xây dựng điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP. Hoàn thành xây dựng website riêng cho Bản du lịch Gia Khâu 1 (*tên miền gikhau.laichau.gov.vn*); lắp đặt biển chỉ dẫn, tờ rơi quảng bá du lịch Gia Khâu 1.

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp, thủy sản (*theo giá hiện hành*) ước đạt 518,4 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch, tăng 11% so với năm 2023 (*Trong đó: Nông nghiệp: 482,3 tỷ đồng, 8,1 tỷ đồng, thủy sản: 28 tỷ đồng*). Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 128,5 triệu đồng, đạt 102,7% kế hoạch, đối với các vùng chuyên canh tập trung đạt 226 triệu đồng/ha/năm, đạt 100% KH giao.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích đất nông nghiệp canh tác ước đạt 2.699 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 8.491 tấn, đạt 101% kế hoạch. Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 175 ha, đạt 100% kế hoạch; diện tích cây công nghiệp lâu năm đạt 1.213,3 ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó diện tích cây chè đạt 964 ha (*Chè kinh doanh: 941 ha, chè kiến thiết 14 ha, diện tích chè trồng mới là 10 ha*), đạt 100% kế hoạch; sản lượng chè búp tươi ước đạt 10.833 tấn, đạt 100% kế hoạch. Cây trồng khác: Cây ăn quả diện tích ước đạt 160,4 ha, sản lượng đạt 1.214,6 tấn; diện tích cây mắc ca 280,4 ha, sản lượng 683 tấn, cây thảo quả diện tích ước đạt 32,9 ha cho sản lượng 16 tấn... tiếp tục chăm sóc, thu hoạch các loại cây trồng khác đảm bảo khung thời vụ<sup>(5)</sup>. Chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh<sup>(6)</sup> và triển khai có hiệu quả các mô hình khuyến nông trên địa bàn<sup>(7)</sup>.

- *Về chăn nuôi, thủy sản*: Công tác phát triển chăn nuôi được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tổng đàn gia súc (*tính có mặt*) là 20.027 con, đạt 100,8% kế hoạch; đàn gia cầm là 110.145 con, đạt 100% kế hoạch; sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 2.619,5 tấn, đạt 100% so với KH (*riêng sản lượng thịt lợn hơi ước đạt 2.259 tấn, bằng 100% kế hoạch*). Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát giết mổ tại các chợ trên địa bàn, chủ động các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi<sup>(8)</sup>. Duy trì diện tích ao nuôi trồng thủy sản 118,7ha, sản lượng ước đạt 508,4 tấn, đạt 100% kế hoạch.

<sup>(5)</sup> Cây Lúa: Gieo trồng trên diện tích 517ha, đạt 102% KH; duy trì phát triển vùng sản xuất giống lúa thuần chất lượng (*lúa tẻ râu và các giống lúa thuần khác*) tại các xã, phường (*San Thàng, Quyết Thắng, Sùng Phài*), cho năng suất và chất lượng cao với quy mô trên 334,2ha; hiện nay sản phẩm lúa tẻ râu đã được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao, góp phần xây dựng, phát triển thương hiệu lúa tẻ râu trên địa bàn. Cây Ngô: Tổng diện tích gieo trồng là 1.228ha, đạt 100% KH giao, sản lượng ước đạt 5.751 tấn, đạt 100% kế hoạch giao. Cây Hoa: Tiếp tục duy trì, phát triển vùng trồng hoa tập trung với diện tích 65,1ha, giảm 15,4ha sang trồng các loại khác (*Giảm 8ha sang trồng lúa; 4,7ha sang Ngô xuân hè; 2,7ha sang trồng rau*), đạt 81% KH giao, (*Tập trung chủ yếu tại xã San Thàng với 56,6ha*). Cây màu: Hướng dẫn Nhân dân chăm sóc, thu hoạch các loại cây màu trên diện tích canh tác 335,1ha, tăng 8,3ha so với năm 2023; sản lượng ước đạt 3.235,8ha, đạt 103% KH giao. Phát triển vùng trồng rau tập trung (*San Thàng, Quyết Tiến, Quyết Thắng*), trong đó có khoảng 30ha trồng rau chuyên canh, tăng vụ tập trung; hướng dẫn nhân dân việc sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong phát triển sản xuất vùng rau an toàn, chất lượng cung cấp cho thị trường. Cây Công nghiệp: Phát triển cây công nghiệp với tổng diện tích 1.388ha, đạt 99,9% KH. Cây Mắc Ca: Quản lý, chăm sóc 280ha Mắc Ca (*diện tích chủ yếu tại Sùng Phài 111ha; San Thàng 108ha*), đến nay hầu hết diện tích trồng thuần chăm sóc tốt đã cho thu hoạch, sản lượng năm 2024 ước đạt 683 tấn, năng suất 49 tạ/ha. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp liên kết với Nhân dân trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm và phát triển sản phẩm OCOP, trong đó một số sản phẩm hạt và nhân Mắc Ca đã được UBND tỉnh công nhận và công nhận lại đạt sản phẩm OCOP 4 sao. Cây Chè: Hướng dẫn Nhân dân tiếp tục quản lý, chăm sóc 964ha chè hiện có (*trong đó: Chè kinh doanh 940,5ha; chủ yếu tại Sùng Phài với 434ha; San Thàng 287ha; Tân Phong 130ha*), sản lượng trong năm ước đạt 10.833 tấn, đạt 100% kế hoạch; Cây ăn quả: Quản lý, chăm sóc diện tích cây ăn quả đến nay hiện có là 160,4ha, đạt 100% so với KH, sản lượng ước đạt 1.214,6 tấn, đạt 100% KH giao.

<sup>(6)</sup> Tiêm vắc xin định kỳ vụ Xuân Hè và Thu Đông trên địa bàn các xã, phường, đạt trên 95% liều vắc-xin được cấp. Triển khai phun tiêu độc khử trùng trên địa bàn các xã, phường đợt 1, tổng số hoá chất sát trùng phun là 575 lít với diện tích phun 1.150.000m<sup>2</sup>. Dự kiến phun đợt 2 với 570 lít, diện tích 1.140.000m<sup>2</sup>.

<sup>(7)</sup> Mô hình trồng cây xanh (cây lê VH6) tại các tuyến đường trong bản văn hoá du lịch cộng đồng Gia Khâu I, xã Sùng Phài, cây đang bẻ rễ, nảy lộc, sinh trưởng phát triển tốt. Mô hình trồng Lúa thuần chất lượng tại các Bản thuộc xã Sùng Phài với quy mô trên 10,3ha, qua đánh giá mô hình đạt năng suất sản lượng cao, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Mô hình nuôi ngan thương phẩm, cấp 1.560 con ngan giống cho 26 hộ giá đình, hướng dẫn Nhân dân chăm sóc bảo vệ đàn ngan đảm bảo quy trình kỹ thuật. Mô hình trồng Chè chất lượng cao tại xã Sùng Phài với quy mô trên 10ha, hiện cây Chè sinh trưởng phát triển tốt, phù hợp điều kiện khí hậu của địa phương. Mô 4 lớp tập huấn ứng dụng chuyên giao khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất cho 151 người tham gia.

<sup>(8)</sup> Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi: Dịch bệnh Tả lợn Châu Phi phát sinh tại địa bàn phường Quyết Thắng làm chết, tiêu hủy là 79 con, trong đó 70 con lợn con và lợn thịt, 07 con lợn nái, lợn đực giống 02 con, tổng trọng lượng 4.555,5kg của 07 hộ trên địa bàn 04 Bản

- *Lâm nghiệp*: Thường xuyên và tích cực tuyên truyền tới Nhân dân trên địa bàn về công tác bảo vệ rừng; công tác phòng chống cháy rừng được tích cực chỉ đạo và thực hiện hiệu quả; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện đảm bảo theo quy định<sup>(9)</sup>. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 28,04%, đạt 100% KH giao<sup>(10)</sup>.

- *Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai*: Tăng cường công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa lũ. Thực hiện duy tu, bảo dưỡng kênh mương thủy lợi đảm bảo nước tưới tiêu, phục vụ sản xuất; nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa, tổ chức ứng trực 24/24 giờ để có biện pháp ứng phó kịp thời khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra. Trong năm do ảnh hưởng của mưa bão trên địa bàn thành phố đã chịu thiệt hại một số diện tích hoa màu và cơ sở hạ tầng, UBND thành phố đã thực hiện các phương án khắc phục theo quy định<sup>(11)</sup>.

#### ***1.4. Thu, chi ngân sách nhà nước và quản lý tài chính, tín dụng***

Tổng thu NSDP trong năm đạt 543.753 triệu đồng, đạt 114% so với kế hoạch tỉnh và 113% Nghị quyết HĐND thành phố giao. Thu NSNN trên địa bàn là 122.195 triệu đồng, đạt 68% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 67% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao (*Trong đó: Thu ngân sách thành phố hưởng là 114.300 triệu đồng; Thu cân đối ngân sách là 100.300 triệu đồng, đạt 111% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 107% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao*); thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 359.480 triệu đồng; thu chuyển nguồn 68.473 triệu đồng; thu các khoản huy động theo quy định của pháp luật: 1.500 triệu đồng.

Tổng chi NSDP là 468.065 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch tỉnh giao và đạt 97% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

Đã thực hiện ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội 1.300 triệu đồng để thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với tín dụng chính sách xã hội<sup>(12)</sup>.

#### ***1.5. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển các thành phần kinh tế***

(*Bản Sáo Lân Than, Bản Màng, Bản Nậm loong 3, Bản Nậm loong 1*) đến nay dịch bệnh đã được khống chế, kiểm soát. Tiêm phòng Đại cho chó, mèo với 5.650 liều, đạt trên 90% tổng đàn chó; tiêm vắc xin định kỳ vụ Xuân Hè và Thu Đông trên địa bàn các xã, phường đạt trên 95% liều vắc xin được cấp.

<sup>(9)</sup> Diện tích được nghiệm thu chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023 là 2.643,25ha với tổng số tiền 2.953.363.871 đồng. Tổ chức ký hợp đồng bảo vệ rừng năm 2024 với diện tích 2.664,24ha.

<sup>(10)</sup> Tổng diện tích đất có rừng bao gồm cả rừng trồng chưa thành rừng trên địa bàn thành phố ước thực hiện năm 2024 là 2.784,48ha; rừng trồng đã thành rừng 259,56ha (*trong đó: Rừng tự nhiên 2.457,24ha; rừng trồng đã thành rừng 259,56ha*);

<sup>(11)</sup> Về hạ tầng: Mưa lớn tiếp tục làm sụt lún, hư hỏng và không còn khả năng khắc phục nhà lớp học điểm trường Mầm non Nậm Loong, xã Sùng Phài (*đã sụt lún hư hỏng từ năm 2022*); sụt lún 1 điểm tại tường rào khu trú sở UBND xã Sùng Phài; Sụt lún 1 điểm tại nhà văn hóa bản Nậm Loong 2, phường Quyết Thắng; sạt lở taluy (đồi chè) tổ 5 phường Tân Phòng (*1 hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở tạm thời*); sập đổ kè xây của 1 hộ dân tại bản Tả Lân Than, phường Tân Phòng. Sạt lở, hư hỏng trên 50m kênh thủy lợi tại bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài; sạt lở, hư hỏng 35m tuyến kênh Làng Giàng và 26m kênh Can Hồ tại thuộc bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu; ngập úng cục bộ tại tổ 6, phường Quyết Tiến làm nước tràn ao của 2 hộ dân; sạt lở taluy (*đồi chè*) tổ 5 phường Tân Phòng (*02 hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở tạm thời*). Về nông nghiệp: Mưa lớn gây ngập úng toàn bộ cánh đồng Huồi Lùng- xã Sùng Phài, với diện tích khoảng 8ha và khoảng 2,5 ha đất trồng lúa tại bản Sùng Chồ, xã Sùng Phài; Tại xã San Thàng mưa lớn gây đổ ngã 0,5ha lúa, ngập úng 0,2ha lúa vừa gặt; ngập úng 3ha ngô mới trồng. Về người: Không có thiệt hại về người. Ước tính tổng giá trị thiệt hại từ đầu năm do thiên tai gây ra khoảng 900 trđ.

<sup>(12)</sup> Lũy kế nguồn vốn ngân sách thành phố đã chuyển sang Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để thực hiện cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác là 8.191trđ.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn thành phố: Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; ban hành Kế hoạch về nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) cấp thành phố năm 2024; thực hiện quy trình tiếp nhận nguồn kinh phí tài trợ từ các nhà đầu tư phục vụ công tác lập Đề án quy hoạch chi tiết một số khu vực trên địa bàn thành phố số tiền 1.500 triệu đồng.

Công tác phát triển Hợp tác xã tiếp tục được quan tâm thực hiện; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện theo Luật Hợp tác năm 2023; trong năm đã cấp giấy chứng nhận thành lập 03 hợp tác xã, thực hiện thủ tục giải thể đối với 01 HTX (13); thực hiện các thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ cá thể, cấp giấy chứng nhận đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện đảm bảo theo quy định hiện hành<sup>14</sup>.

## 2. Về văn hóa - xã hội

### 2.1. Giáo dục và Đào tạo, Khoa học - Công nghệ

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo. Quy mô, mạng lưới trường lớp đồng bộ, tinh gọn<sup>(15)</sup>. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục tiên tiến (*montessori; giáo dục steam...*) vào tổ chức dạy và học. Chỉ đạo tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương cho học sinh; tổ chức các hội thảo, hội thi, cuộc thi và thành lập đoàn tham dự cuộc thi do cấp tỉnh tổ chức đạt nhiều kết quả tích cực<sup>(16)</sup>. Chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch thí điểm mô hình lớp thông minh năm 2024 tại 04 trường trên địa bàn đảm bảo tiến độ (*02 trường tiểu học, 02 trường THCS*)<sup>(17)</sup>.

Duy trì và nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn các trường đã đạt chuẩn quốc gia, ước thực hiện năm 2024, trên địa bàn có 28/28 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%, trong đó duy trì trường đạt chuẩn mức độ 2 là 19/28 trường, đạt

<sup>(13)</sup> Trong số 62 HTX trên địa bàn, trong đó có 30 HTX đang hoạt động sản xuất kinh doanh; tạm ngừng hoạt động 01 HTX và 31 HTX chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

<sup>(14)</sup> Trong năm đã thực hiện Cấp thành lập mới 289 Hộ kinh doanh (HKD), Cấp đổi 169 HKD; Cấp lại 16 HKD; Tạm ngừng 22 HKD; Chấm dứt 47 HKD. Cấp mới, cấp đổi Giấy phép kinh doanh (*có điều kiện và hạn chế kinh doanh*) trong năm cấp 21 giấy phép, trong đó: 10 giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh và bán lẻ, 09 giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

<sup>(15)</sup> Ước thực hiện năm 2024 trên địa bàn Thành phố: Quy mô 28 trường học (*từ cấp Mầm non đến THCS*), 398 lớp học, 497 phòng học và với 12.874 học sinh (*Cấp Mầm non: 12 trường, 172 phòng, 127 lớp, 3.264 cháu. Cấp Tiểu học: 08 trường, 182 phòng, 167 lớp, 5.265 cháu. Cấp Trung học cơ sở và liên cấp TH&THCS với 8 trường, 143 phòng, 104 lớp, 4.345 cháu*). Học sinh là người dân tộc thiểu số 4.241 học sinh, chiếm tỷ lệ 32,9% tổng số học sinh.

<sup>(16)</sup> Ngày hội Olympic thể thao; Ngày hội sách; Ngày hội Steam; Ngày hội dinh dưỡng; Lễ hội mùa xuân; Chương trình “Children’s Voice Gala 2024 cấp học Mầm non”; Tổ chức thành công Hội thi tạo hình nghệ thuật cấp thành phố năm học 2023-2024; Hội thi Hội khỏe Phù Đổng thành phố Lai Châu lần thứ IX năm 2024; Cuộc thi Olympic tiếng Anh (IOE) thành phố, thi học sinh giỏi cấp thành phố. Một số kết quả đạt được: Đạt giải nhất HKPD cấp tỉnh; học sinh giỏi cấp tỉnh tăng cả về số lượng, chất lượng; năm 2024 xếp thứ nhất trong khối phòng GD&ĐT cấp huyện, thành phố.

<sup>(17)</sup> Các trường: Tiểu học số 1, Tiểu học số 2, Trung học cơ sở Quyết Tiến và Trung học cơ sở Tân Phong.

tỷ lệ 67,9% (vượt 5,6% so với kế hoạch giao) <sup>(18)</sup>. Quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác bồi dưỡng chính trị và chuyên môn cho CBQL, GV, đến nay tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 97,8% <sup>(19)</sup>. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2024 theo kế hoạch. Tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2023 - 2024 và triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025. Làm tốt công tác chuẩn bị tựu trường, khai giảng năm học mới 2024 - 2025.

Triển khai tới UBND xã, phường đăng ký nhu cầu đề nghị hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố năm 2024. Công nhận phạm vi ảnh hưởng cho 104/115 sáng kiến ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023 - 2024 đảm bảo quy định; đề nghị Tỉnh xét công nhận 16/18 sáng kiến.

## **2.2. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phòng, chống dịch bệnh tiếp tục được quan tâm thực hiện; thuốc và các trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh được đảm bảo; chất lượng chẩn đoán, điều trị và dịch vụ khám chữa bệnh được nâng cao. Trong năm 2024, đã thực hiện triển khai khám, chữa bệnh cho 46.158 lượt người (tăng 946 lượt so với năm 2023); phát hiện, xử lý kiểm soát tốt các loại dịch bệnh <sup>(20)</sup>; duy trì việc tiêm phòng các loại vắc xin cho các đối tượng, đảm bảo kịp thời, 07/07 xã phường triển khai tiêm chủng mở rộng thường xuyên <sup>(21)</sup>. Chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình phòng, chống bệnh không truyền nhiễm theo kế hoạch. Duy trì công tác giám sát, tư vấn và tiếp cận, quản lý điều trị bệnh nhân tại 07 xã, phường trên địa bàn thành phố <sup>(22)</sup>. Thường xuyên tuyên truyền thực hiện công tác an toàn thực phẩm; tổ chức kiểm tra, kịp thời xử lý các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống theo quy định <sup>(23)</sup>.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo thực hiện, chất lượng dân số ngày một nâng lên, ước thực hiện năm 2024, tổng số hộ dân trên địa bàn là 13.018 hộ, đạt 99,9% KH; Dân số ước đạt 48.183 người, bằng 100% KH giao.

## **2.3. Văn hóa, thể thao; thông tin và truyền thông**

<sup>(18)</sup> Ước thực hiện đến 31/12/2024, công nhận thêm 05 trường đạt chuẩn quốc gia (MN Sùng Phài, MN Bình Minh, TH Đoàn Kết, THCS Quyết Tiến, TH&THCS Sùng Phài). 28/28 trường đạt chuẩn quốc gia (Cấp MN 12/12 trường; Tiểu học 08/08 trường; THCS và liên cấp TH&THCS 08/08 trường). 19/28 trường đạt chuẩn mức độ II (Cấp MN 10/12 trường; Tiểu học 06/08 trường; THCS và liên cấp TH&THCS 03/08 trường).

<sup>(19)</sup> Trên địa bàn hiện có 709 giáo viên đạt chuẩn/725 tổng số giáo viên, trong đó: Cấp mầm non 283/287 giáo viên, đạt 98,6%. Cấp Tiểu học 244/251 giáo viên, đạt 97,2%. Cấp Trung học cơ sở và liên cấp TH&THCS 182/187 giáo viên, đạt 97,3%.

<sup>(20)</sup> Cúm mắc 1.179 ca, giảm 138 ca so với cùng kỳ; bệnh do virus Adeno mắc 117 ca, giảm 647 ca so với cùng kỳ; thủy đậu mắc 144 ca, giảm 38 ca so với cùng kỳ; tiêu chảy mắc 114 ca, giảm 217 ca so với cùng kỳ, quai bị mắc 47 ca tăng 18 so với cùng kỳ năm 2023, viêm gan virut khác 6 ca, không có ca tử vong do bệnh dịch.

<sup>(21)</sup> Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ 8 loại vắc xin ước thực hiện 590/607 cháu, tỷ lệ 97,2% kế hoạch, tăng 30,32% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiêm UV2+ ước thực hiện trong năm là 98,5% kế hoạch năm, tăng 0,13% so với cùng kỳ năm 2023.

<sup>(22)</sup> Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện còn sống được quản lý tại địa phương là 140 người (Nữ 50 người). Cấp phát được 4.890 bơm kim tiêm sạch và 4.890 bao cao su miễn phí cho các đối tượng nguy cơ cao.

<sup>(23)</sup> Kiểm tra liên ngành 704 cơ sở, trong đó có 655 cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt 93% KH. Tổng số cơ sở vi phạm về ATTP là 76 cơ sở (09 cơ sở bị phạt tiền 16,8trđ; 67 cơ sở bị nhắc nhở). Cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP cho 39 cơ sở.

Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao tiếp tục diễn ra sôi nổi từ thành phố đến cơ sở, tổ chức và phối hợp thành công 07 chương trình nghệ thuật chào mừng các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh và thành phố<sup>(24)</sup>. Các hoạt động văn hóa và Lễ hội diễn ra sôi nổi, đảm bảo an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, tạo không khí vui tươi và ấn tượng sâu sắc trong lòng du khách<sup>(25)</sup>. Duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại Chợ Đêm Sơn Thành và phố đi bộ Hoàng Diệu; phong trào luyện tập thể dục thể thao trong Nhân dân tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, rộng khắp<sup>(26)</sup>. Tiếp tục thực hiện chính sách bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân, góp phần thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa<sup>(27)</sup>.

Công tác thông tin, tuyên truyền, duy trì truyền dẫn phát sóng đảm bảo kịp thời, đúng định hướng, phản ánh đầy đủ các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và kết quả về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn, tích cực quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch và con người Lai Châu<sup>(28)</sup>. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đẩy mạnh, đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống, xã hội, nhất là những ngành có tác động lớn trong phát triển kinh tế, xã hội như: Y tế; giáo dục, nông nghiệp, tài chính – ngân hàng, du lịch,... hạ tầng số đáp ứng cơ bản được nhu cầu của người dân, các ứng dụng – dịch vụ số đưa vào sử dụng rộng rãi, cơ sở dữ liệu các ngành từng bước được hình thành, đảm bảo an toàn thông tin trong suốt quá trình chuyển đổi số; từng bước xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số - xã hội số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

<sup>(24)</sup> Mừng Đảng, Mừng xuân Giáp Thìn 2024; 49 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2024); 70 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024); 134 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại (19/5/1890-19/5/2024). 79 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2024) và 79 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024). Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng bộ thành phố; 20 năm chia tách thành lập Thành phố Lai Châu (10/10/2004 - 10/10/2024); Hội nghị giao ban cụm các đô thị vùng Tây Bắc.

<sup>(25)</sup> Tuần Văn hóa - Lễ hội và Du lịch xuân Giáp Thìn năm 2024 quy mô cấp thành phố gồm 03 Lễ hội “Khai hội Đền Thờ Vua Lê Lợi - Phường Đoàn Kết, Lễ hội Grâuư Taox Cha - xã Sùng Phài, Lễ Hội Tú Ti - xã Sơn Thành. Tổ chức trưng bày linh vật và không gian hoa đào phục vụ Nhân dân đón tết Nguyên đán tại quảng trường Nhân dân tỉnh. Tổ chức thành công các Hội thi Khiêu vũ, Dân vũ thành phố Lai Châu lần thứ II. Phối hợp với Hội người cao tuổi thành phố tổ chức thành công Hội thi tiếng hát người cao tuổi. Phối hợp với Ban Dân vận thành phố tổ chức thành công Hội thi Dân vận khéo năm 2024. Tổ chức Lễ hội Đoong Xía (Xã Sơn Thành) và Lễ hội Háu Đoong (Phường Quyết Thắng). Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Lai Châu lần thứ II, năm 2024. Tổ chức trang nghiêm Lễ Thượng cờ sáng ngày 02/9/2024 tại Quảng trường Nhân dân thành phố với đông đảo cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân tham gia.

<sup>(26)</sup> Làm tốt công tác phong trào văn hóa, văn nghệ tại cơ sở với 101 buổi biểu diễn nghệ thuật quần chúng. Tổ chức và phối hợp tổ chức 09 giải thể thao, tham gia thi đấu 09 giải do tỉnh tổ chức.

<sup>(27)</sup> Làm tốt công tác xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng Đề án đặt tên, kéo dài tuyến phố trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024; Đề án số 1895/ĐA-UBND ngày 07/6/2024 xây dựng Đề án đặt tên, kéo dài tuyến đường phố trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024, trong đó: đặt tên 01 đường, điều chỉnh kéo dài 02 đường, đặt tên 07 phố, điều chỉnh kéo dài 04 phố, đã được HĐND tỉnh thông qua bằng Nghị quyết. Đến nay tỷ lệ các tuyến phố đặt tuyến phố văn minh trên địa bàn thành phố đạt 86,3%, vượt kế hoạch giao (113/131 tuyến). Triển khai nhiệm vụ tổ chức thẩm định kết quả xây dựng phường đạt chuẩn đô thị văn minh của UBND các phường thông qua việc đánh giá từng tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg, ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Ước thực hiện năm 2024, tỷ lệ phường đạt chuẩn đô thị văn minh đạt 80% (4/5 phường), bằng 100% kế hoạch giao (bảo gồm các phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Đông Phong và Quyết Tiến). Tổng kết thực hiện Kết luận số 111/KL-TH.U, ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Lai Châu về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ-TH.U, ngày 12/12/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Lai Châu về xây dựng nếp sống văn minh đô thị, giai đoạn 2021-2024.

<sup>(28)</sup> Sản xuất 52 chương trình truyền hình với thời lượng 1.760 phút, 450 tin, bài; 108 chương trình truyền thanh với thời lượng 11.280 phút, 1.355 tin bài, phóng sự. Phát sóng chương trình thời sự địa phương, tiếp và phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài PT-TH tỉnh được 2.220 giờ. Đăng tải 108 video lên trang Youtube Lai Châu thành phố ta yêu; 280 tin, bài lên trang thông tin điện tử thành phố. Tuyên truyền 410 băng rôn khẩu hiệu; 1.460 cờ hồng kỳ; 3.600 cờ đuôi nheo; 48 vòng inox; 10 cụm pa nô; 280 lượt xe thông tin. Xây dựng và hoàn thiện phòng sự Đảng bộ thành phố Lai Châu 20 năm xây dựng và phát triển; phóng sự quảng bá xây dựng bản văn hóa cộng đồng Gia Khâu 1 thành sản phẩm OCOP; xây dựng các tác phẩm dự thi giải báo chí tỉnh về xây dựng Đảng năm 2024,...

Làm tốt công tác quản lý nhà nước về các hoạt động kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực văn hóa <sup>(29)</sup>.

#### **2.4. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm và giảm nghèo bền vững**

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội theo quy định; phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Lai Châu cấp mới và gia hạn BHYT năm 2024 đối với người có công, thân nhân người có công và các đối tượng khác theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc ngành lao động quản lý <sup>(30)</sup>.

Các hoạt động chăm sóc, bảo vệ trẻ em tiếp tục được quan tâm chú trọng thực hiện <sup>(31)</sup>; thực hiện tốt công tác chuẩn hoá và làm sạch dữ liệu trẻ em phục vụ các mục tiêu của Đề án 06. Quan tâm thực hiện công tác bình đẳng giới, báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong năm đã giải quyết việc làm cho 950 người lao động, đạt 100% kế hoạch; đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (*dưới 3 tháng*) cho 221 người, đạt 88,4% KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đạt 84,8%; tổ chức Hội nghị bàn giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào nghề cho lao động nông thôn năm 2024 và các năm tiếp theo. Các chương trình tín dụng chính sách xã hội được triển khai hiệu quả, số hộ được vay vốn tạo việc làm trong năm là 670 hộ, đạt 83,8% kế hoạch (*trong đó: hộ nghèo là 20 hộ*), qua đó đã góp phần tạo việc làm và sinh kế cho người dân. Quan tâm phát triển thị trường lao động ngoài nước, đưa 16 người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng <sup>(32)</sup>, vượt 60% kế hoạch giao (*kế hoạch giao 10 người*) góp phần quan trọng giải quyết việc làm gắn với thu nhập cao cho người lao động.

Công tác giảm nghèo bền vững tiếp tục được đẩy mạnh, tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tình trạng tái nghèo. Ước thực hiện năm

<sup>(29)</sup> Cấp mới 01 giấy phép và cấp điều chỉnh 02 giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Cấp mới 01 cơ sở kinh doanh hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Tiếp nhận thực hiện quảng cáo đối với với 64 cơ sở.

<sup>(30)</sup> Thăm hỏi, tặng quà gia đình người có công, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, gia đình khó khăn và chúc thọ người cao tuổi với 2.453 suất, bằng tiền 985,2trđ. Chi trả trợ cấp hàng tháng và điều chỉnh mức trợ cấp cho 167/167 người có công (qua tài khoản) đạt 100% với tổng số tiền trên 6,1 tỷ đồng. Thanh toán kinh phí mua BHYT cho 87 người có công, thân nhân người có công và 623 đối tượng là cựu chiến binh với tổng số tiền trên 600trđ. Điều chỉnh trợ cấp và chi trả trợ cấp hàng tháng năm 2024 cho 601 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền 4,5 tỷ đồng. Thanh toán kinh phí mua BHYT năm 2024 cho hơn 400 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền gần 300 trđ; hỗ trợ mai táng phí cho 02 hộ gia đình với số tiền 36trđ.

<sup>(31)</sup> Tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 và Trung thu, đã có 4.863 trẻ em được tặng quà với tổng số tiền là 118,890 trđ từ nguồn xã hội hoá. Phối hợp Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu thực hiện việc khám sàng lọc cho 13 trẻ em khuyết tật, trong đó có 09 trẻ em được chỉ định phẫu thuật. Ước thực hiện năm 2024, 06/07 xã phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em, đạt 85,7% kế hoạch giao (*xã Sùng Phài có 01 trẻ em bị chết do tai nạn thương tích*).

<sup>(32)</sup> Thị trường xuất khẩu lao động chủ yếu tại các nước: Nhật Bản (9 người); Hàn Quốc (4 người); Đài Loan (03 người).



2024, tỷ lệ hộ nghèo toàn thành phố giảm 0,29%, vượt 0,23 điểm so với kế hoạch; tỷ lệ hộ nghèo toàn thành phố còn 1,27% <sup>(33)</sup>.

### 2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số: Ban hành Quyết định phê duyệt danh sách người có uy tín trên địa bàn thành phố năm 2024; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến vùng đồng bào dân tộc. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số thành phố Lai Châu lần thứ IV năm 2024.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn thành phố cơ bản được duy trì ổn định, trong năm xuất hiện một số trường hợp hoạt động tôn giáo không phù hợp tuy nhiên đã được cơ quan chức năng kịp thời kiểm soát, nhắc nhở, răn đe, yêu cầu chấp hành đúng quy định của pháp luật.

### 3. Quản lý, phát triển đô thị

Tổ chức hội nghị công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thành phố Lai Châu và vùng phụ cận đến năm 2035, Đồ án quy hoạch phân khu I thành phố Lai Châu và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư vào nội dung Đồ án quy hoạch phân khu III, tỷ lệ 1/2000 địa điểm: thành phố Lai Châu, huyện Tam Đường. Ban hành Kế hoạch về tổ chức lập Quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố năm 2024; triển khai lập 02 đồ án quy hoạch phân khu (*phân khu II, V*), 03 đồ án quy hoạch chi tiết một số khu vực trên địa bàn thành phố và hoàn thành phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng 02 xã San Thàng và Sùng Phài đảm bảo theo quy định <sup>(34)</sup>. Trình HĐND tỉnh thông qua Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng, hạ tầng đô thị và bảo vệ hành lang an toàn giao thông. Tuyên truyền để Nhân dân thực hiện tốt Quy chế quản lý đô thị, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Chỉ đạo thực hiện công tác cấp phép xây dựng và quản lý sau cấp phép theo quy định <sup>(35)</sup>.

<sup>(33)</sup> Ước thực hiện trong năm giảm được 37 hộ nghèo, còn lại 165 hộ (*trong đó: số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số là 148 hộ, đạt tỷ lệ 1,14%*); số hộ cận nghèo là 76 hộ với tỷ lệ 0,58%. Tham mưu thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo theo quy định. Hỗ trợ tết nguyên đán cho 1.256 suất quà, với số tiền là 397,2trđ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp thực hiện hỗ trợ cứu đói giáp hạt cho 299 hộ nghèo, hộ cận nghèo (*1.164 nhân khẩu*) với tổng số 17.460 kilogam gạo. Hỗ trợ tiền điện cho 214 hộ nghèo, hộ chính sách với tổng số tiền gần 150trđ.

<sup>(34)</sup> Quy hoạch phân khu: Hoàn thành công tác khảo sát, hiện đang thực hiện lập đồ án quy hoạch phân khu II, phân khu V thành phố Lai Châu, dự kiến phê duyệt trong năm 2024. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức lập đồ án quy hoạch Phân khu III thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường. Quy hoạch chi tiết: Tập trung hoàn thành lập nhiệm vụ 03 đồ án quy hoạch chi tiết một số khu vực trên địa bàn thành phố (*gồm: QHCT tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà phố Lai Châu; QHCT khu trung tâm thương mại và nhà ở Lai Châu; QHCT khu trung tâm thương mại và nhà ở tổ 10, phường Tân Phong*), hiện nay đang xin ý kiến điều chỉnh chủ trương lập các đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm: tên đồ án, nguồn vốn, quy trình lập các đồ án. Quy hoạch chung xây dựng 02 xã San Thàng, Sùng Phài: Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Sùng Phài thành phố Lai Châu đến năm 2035 đã được phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã San Thàng, thành phố Lai Châu đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 11/4/2024. Đồ án quy hoạch chi tiết diêm dân cư mới San Thàng, thành phố Lai Châu: Đã phê duyệt nhiệm vụ và dự toán, đang triển khai tổ chức lập đồ án quy hoạch chi tiết, dự kiến phê duyệt trong tháng 12/2024.

<sup>(35)</sup> Thực hiện cấp phép xây dựng theo quy định đối với 357 bộ hồ sơ nhà ở riêng lẻ và 02 tổ chức; kiểm tra xây dựng và sau cấp phép xây dựng với 323 lượt.

Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra đảm bảo trật tự đô thị, vận động, tháo dỡ vi phạm lấn chiếm đất, vỉa hè, lòng lề đường, các điểm họp chợ không đúng nơi quy định; kiểm tra, bắt giữ và xử lý gia súc thả rông trên địa bàn<sup>(36)</sup>. Việc quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, hệ thống đèn tín hiệu giao thông đảm bảo mỹ quan đô thị được chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

Công tác quản lý, duy trì, chăm sóc cây xanh trên địa bàn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, việc cắt tỉa cây xanh bóng mát, đảm bảo an toàn trước và trong mùa mưa được chỉ đạo thực hiện kịp thời.<sup>(37)</sup>

#### **4. Về đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**

Ngay từ đầu năm, UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; tuân thủ đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư. Chỉ đạo các chủ đầu tư đơn đốc nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án; tập trung giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; đồng thời yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện cam kết giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 theo quy định.

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2024 là 115.751 triệu đồng, số giải ngân đến thời điểm báo cáo là 29.536 triệu đồng, đạt 25,5% KHV (*đạt 38,9% so với kế hoạch vốn đã nhập tabmis*)<sup>(38)</sup>. Ước thực hiện giải ngân đến hết 31/12/2024 đạt 61.507 triệu đồng, bằng 53% KHV.

#### **5. Quản lý tài nguyên - môi trường; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và hiệu quả: Hoàn thành, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Hoàn thành công tác thống kê đất đai thành phố Lai Châu năm 2023. Rà soát, tổng hợp danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh trên địa bàn thành phố năm 2024

<sup>(36)</sup> Tuyên truyền, tháo dỡ đối với 07 trường hợp tự ý xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại bản Tả Làn Than, phường Tân Phong; bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng; tổ 24 + tổ 27, phường Đông Phong và tổ 1 (*khu vực nghĩa trang sau Bệnh viện 103*), phường Đoàn Kết. Vận động, tháo dỡ 02 công trình xây dựng trên đất đã thu hồi và đất giao thông đối với 02 hộ gia đình, cá nhân tại tổ 1 và tổ 5, phường Đoàn Kết. Phối hợp với Thanh tra giao thông tỉnh ra quân xử lý việc các hộ gia đình, cá nhân lấn chiếm hành lang vỉa hè khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh để kinh doanh, buôn bán, xử phạt 05 trường hợp bán hàng rong 10,5trđ. Xử phạt vi phạm hành chính đối với 07 trường hợp vi phạm trật tự hành lang giao thông tại phường Đông Phong với tổng số tiền 15,9trđ. Xử lý, xử phạt VPHC 30 trường hợp gia súc thả rông với số tiền 11,8trđ.

<sup>(37)</sup> Tổ chức không gian hoa Đào, trang trí hoa Bùng bình Đại lộ Lê Lợi, Quảng trường nhân dân tỉnh và Tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu dịp Xuân Giáp Thìn, tạo không gian cho Nhân dân trên địa bàn vui xuân đón Tết. Tổ chức thành công Lễ phát động “Tết trồng cây” Xuân Giáp Thìn năm 2024 theo kế hoạch của UBND Tỉnh. Tại lễ phát động đã tổ chức trồng 120 cây Long não tại khu Lâm viên thành phố. Cải tạo trồng hoa Đỗ Quyên tại khu vực trung tâm nhà điều hành khu du lịch bản Gia Khâu 1, xã Sùng Phái. Cấp phép, chặt hạ, dịch chuyển 33 trường hợp cây xanh theo quy định.

<sup>(38)</sup> Số giải ngân đến thời điểm báo cáo: Nguồn vốn tỉnh quản lý: 5.823/20.117 trđ, bằng 29% kế hoạch vốn; Nguồn vốn thành phố quản lý: 16.787/84.595 trđ, bằng 19,8% kế hoạch vốn; Nguồn vốn đầu tư thực hiện các CTMTQG: 6.592/10.294 trđ, bằng 64% kế hoạch vốn. Nguồn vốn năm 2023 được phép kéo dài thanh toán sang năm 2024: 334/745 trđ, bằng 44,8% kế hoạch vốn. Ước thực hiện giải ngân đến ngày 31/12/2024: Nguồn vốn tỉnh quản lý: 20.117/20.117 trđ, bằng 100% kế hoạch vốn; Nguồn vốn thành phố quản lý: 30.533/84.595 trđ, bằng 36,1% kế hoạch vốn; Nguồn vốn đầu tư thực hiện các CTMTQG: 10.112/10.294 trđ, bằng 98,2% kế hoạch vốn. Nguồn vốn năm 2023 được phép kéo dài thanh toán sang năm 2024: 754/745 trđ, bằng 100% kế hoạch vốn.

(lần 1 năm 2024). Chỉ đạo thực hiện và làm tốt công tác thu hồi đất và xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất<sup>(39)</sup>. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác trao GCNQSD đất theo dự án năm 2013 và 2020<sup>(40)</sup>. Tiếp nhận và giải quyết các TTHC về đất đai theo quy định<sup>(41)</sup>. Chỉ đạo triển khai, thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn, thực hiện kế hoạch tuyên truyền thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, tỷ lệ chất thải đô thị được thu gom xử lý đạt 100% kế hoạch.

Công tác bồi thường, hỗ trợ - tái định cư: Trong năm 2024, UBND thành phố đã chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác BT-GPMB cho các dự án trên địa bàn, tổng số dự án thực hiện là 22 dự án<sup>(42)</sup>, ước thực hiện năm 2024 sẽ hoàn thành công tác BT-GPMB cho 05 dự án. Tổng số tiền đã thực hiện chi trả cho công tác bồi thường hỗ trợ là 17,7 tỷ đồng, đối với 10 dự án; bàn giao 13,73ha diện tích đất sạch cho chủ đầu tư để thi công. Vận động thành công 03 hộ gia đình tại 02 dự án chấp hành việc thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định của Nhà nước<sup>(43)</sup>. Tích cực, chủ động họp bàn tháo gỡ khó khăn vướng mắc công tác bồi thường, hỗ trợ các dự án; triển khai, thực hiện công tác tạo quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất theo thẩm quyền<sup>(44)</sup>.

## **6. Công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thanh tra, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo**

Công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính được quan tâm, triển khai thực hiện hiệu quả: Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 và hoàn thành công tác chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2023 trình UBND tỉnh; Hoàn thành việc tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2023 thành phố Lai Châu trình tỉnh thẩm định. Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024. Giải quyết TTHC nhanh, gọn, theo quy định; 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của UBND thành phố và các xã phường được cập nhật luân chuyển trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lai Châu; đẩy mạnh giải

<sup>(39)</sup> Ban hành 31 Thông báo thu hồi đất của 31 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 5.722,5m<sup>2</sup>; 63 Quyết định thu hồi đất với tổng diện tích 1557,8m<sup>2</sup>; 04 Quyết định điều chỉnh Quyết định thu hồi đất. Công tác định giá đất cụ thể: Ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng; Tổ giúp việc của Hội đồng; Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Hội đồng, đã tổ chức thực hiện công tác xác định giá đất cụ thể đối với 03 dự án: *Dự án Xử lý điểm đen tại nạn giao thông đoạn Km26+250 - Km26+800, Quốc lộ 4D, tỉnh Lai Châu*; *Dự án Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tà chài - Trung chài, xã Sùng Phài, thành phố Lai châu*; *Dự án Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17, phường Quyết Thắng*.

<sup>(40)</sup> Trong năm đã trao 101 GCN, lũy kế thực hiện đã trao 8.779 GCN, còn lại 530 GCN chưa trao (*trong đó theo dự án 2013 còn 362 giấy; năm 2020 còn 168 giấy*).

<sup>(41)</sup> Tiếp nhận và xử lý 336 lượt hồ sơ, trong đó: Cấp GCNQSD đất cho 77 giấy chứng nhận với tổng diện tích 37.662m<sup>2</sup> (12.277,5m<sup>2</sup> đất ở; 7.911,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm; 730m<sup>2</sup> đất thủy sản; 16.743,3m<sup>2</sup> đất cây lâu năm); Chuyển mục đích 58 lượt hồ sơ với tổng diện tích 13.077,5m<sup>2</sup>. Đính chính thông tin GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản với 201 lượt hồ sơ.

<sup>(42)</sup> Dự án do UBND thành phố làm chủ đầu tư: 10 dự án. Các Ban Dự án của Tỉnh làm chủ đầu tư: 02 dự án. Dự án ngành Điện làm chủ đầu tư: 09 dự án. Dự án vốn doanh nghiệp: 01 dự án.

<sup>(43)</sup> Ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Trường THCS Quyết Tiến đối với hộ gia đình ông Lê Văn Tự; 02 Quyết định hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu Lâm Viên thành phố đối với Hộ gia đình Ông Nguyễn Thế Vinh và Hộ gia đình Bà Đinh Thị Mai (*đồng sử dụng ông Nguyễn Thanh Tú*).

<sup>(44)</sup> Ban hành Quyết định phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất năm 2024. Tích cực, chủ động họp bàn và tham gia ý kiến vào Dự thảo các Quyết định của UBND tỉnh quy định về công tác bồi thường và đơn giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Công tác tạo, quản lý và khai thác quỹ đất: Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại các dự án: *Khu đô thị mới Quốc lộ Bắc 4D*; *Khu dân cư số 3 (Lô 2, 3)*; *Khu dân đường Trần Đăng Ninh*; *Khu dân cư 2B. Khu dân cư số 9*. Đấu giá quyền sử dụng đất thành công 02 thửa đất, thu nộp ngân sách 1,7 tỷ đồng.

quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử<sup>(45)</sup>. Ban hành kế hoạch hành động thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) thành phố Lai Châu năm 2024.

Công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế được thực hiện nghiêm túc, hiệu lực, hiệu quả; ban hành quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế trong tổ chức hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của thành phố Lai Châu năm 2024<sup>(46)</sup>. Quản lý, quan tâm, giải quyết kịp thời, theo quy định các chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức viên chức<sup>(47)</sup>. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch<sup>(48)</sup>. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thi hành công vụ tại các cơ quan, đơn vị thành phố; thực hiện công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật đảm bảo theo quy định<sup>(49)</sup>.

Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Trong năm, ngành Thanh tra thành phố đã triển khai thực hiện 03 cuộc thanh tra tại 04 đơn vị<sup>(50)</sup>, ban hành kết luận 02 cuộc thanh tra, đang thực hiện 01 cuộc, tiếp tục đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định. Tổ chức tiếp 43 lượt công dân với 43 người, bằng 43 vụ việc (*giảm 01 lượt so với cùng kỳ năm 2023*). Số đơn tiếp nhận trong kỳ là 81 đơn (*giảm 19 đơn so với cùng kỳ năm 2023*) đã giải quyết 71/81 đơn theo thẩm quyền, số đơn còn lại đang tiếp tục giải quyết.

## 7. Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được chú trọng, nâng cao về chất lượng, đã ban hành 03 văn bản

<sup>(45)</sup> Thực hiện đến 31/10/2024, tiếp nhận 6.441 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó: đã giải quyết 6.387 hồ sơ, giải quyết trước và đúng hạn 6.354 hồ sơ, đạt 99,48%. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 80,9%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 77,35%; Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 94,55%; Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 94,15%

<sup>(46)</sup> Tổ chức bộ máy ổn định, không biến động, hoạt động hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đến nay Thành phố có 11 phòng chuyên môn, 05 đơn vị sự nghiệp khác, 01 tổ chức hội, 28 đơn vị trường học và 07 đơn vị hành chính cấp xã (05 phường, 02 xã). Trong năm UBND thành phố đã Ban hành quyết định giao bổ sung biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2024; ban hành đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính và đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc UBND thành phố. Tổ chức thành công thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, kết quả 48 người trúng tuyển. Thực hiện tốt công tác chính quyền cơ sở, ban hành Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024.

<sup>(47)</sup> Ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm cho 24 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó: Bổ nhiệm 01 viên chức, điều động và bổ nhiệm 10 viên chức; tiếp nhận 01 cán bộ xã bổ nhiệm viên chức quản lý; bổ nhiệm lại 12 viên chức. Chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch đối với 06 công chức, viên chức. Tiếp nhận 08 công chức, viên chức, biệt phái 02 viên chức, chấm dứt biệt phái 01 viên chức hết thời gian biệt phái. Điều chuyển 19 viên chức, người lao động sự nghiệp GD&ĐT, quyết định chuyển công tác theo nguyện vọng cho 12 công chức, viên chức.

<sup>(48)</sup> Cử 63 cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương, bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, thanh tra viên chính, chuyên môn về đấu thầu, bồi dưỡng nghiệp vụ do các cấp tổ chức. Tổ chức mở 01 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc năm 2024 cho nhóm đối tượng 4 với 105 người. Mở 03 lớp theo Quyết định 2078/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu với 299 học viên tham gia.

<sup>(49)</sup> Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba cho 06 cá nhân. Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 14 cá nhân. UBND tỉnh, bộ, ngành tặng: Cờ thi đua 01 tập thể. Tập thể lao động xuất sắc 05 tập thể, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh 10 cá nhân, bằng khen 03 tập thể, 17 cá nhân. UBND thành phố tặng: Lao động tiên tiến cho 29 tập thể, 230 cá nhân; chiến sỹ thi đua cơ sở 69 cá nhân, giấy khen 41 tập thể, 236 cá nhân. Khen thưởng chuyên đề, đột xuất cho 87 tập thể, 285 cá nhân, 22 hộ gia đình. Trình UBND tỉnh, Bộ, ngành tặng Bằng khen 09 tập thể, 24 cá nhân, 18 hộ gia đình; trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng 01 tập thể.

<sup>(50)</sup> Số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang 01 cuộc/02 đơn vị, số cuộc triển khai trong kỳ 02 cuộc/02 đơn vị; số cuộc thanh tra theo kế hoạch 01 cuộc/01 đơn vị, số cuộc thanh tra đột xuất chuyên đề theo sự chỉ đạo của cấp trên 01 cuộc/02 đơn vị.

QPPL<sup>(51)</sup>. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, thu hút đông đảo người dân tham gia<sup>(52)</sup>. Tiếp tục thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch cho Nhân dân<sup>(53)</sup>.

## 8. Lĩnh vực Quốc phòng - an ninh; công tác đối ngoại

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo các kế hoạch đề ra<sup>(54)</sup>. Tham mưu cho Thành ủy Lai Châu ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2024. Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Khu vực phòng thủ. Đã tổ chức thành công nhiệm vụ diễn tập chiến đấu trong KVPT tại phường Tân Phong và Đoàn Kết (*02 phường đạt kết quả xuất sắc*). Triển khai, thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng, tổ chức Lễ Giao nhận 50 tân binh thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân và nghĩa vụ quân sự theo kế hoạch<sup>(55)</sup>. Chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác diễn tập điểm phòng thủ dân sự ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn thành phố Lai Châu và xã Sùng Phài năm 2024. Triển khai công tác quốc phòng địa phương và dân quân tự vệ theo kế hoạch đề ra, huy động 90 đồng chí dân quân, tự vệ luyện tập đội ngũ tham gia lễ ra quân huấn luyện tại Bộ CHQS tỉnh. Huấn luyện điểm lực lượng DQTV tại xã San Thàng; chỉ đạo 07/07 Ban CHQS xã phường, 23 đơn vị tự vệ tổ chức huấn luyện theo kế hoạch<sup>(56)</sup>. Tổ chức thành công Đại hội Thi đua quyết thắng Lực lượng vũ trang thành phố Lai Châu giai đoạn 2019-2024. Triển khai kịp thời công tác cứu hộ cứu nạn trên địa bàn.

Lực lượng Công an thành phố đã thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh và đẩy mạnh công tác tấn công, trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn<sup>(57)</sup>. Triển khai đồng bộ các giải pháp, quyết liệt tấn

<sup>(51)</sup> 03 Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Phòng Giáo dục & Đào tạo và Thanh tra thành phố;

<sup>(52)</sup> Tuyên truyền miệng được 547 cuộc cho 79.514 lượt người tham gia. Cung cấp 08 tệp tài liệu dưới dạng file điện tử các Luật của Quốc hội: Luật Đất đai; Luật Đầu thầu; Luật Nhà ở; Luật kinh doanh, Luật Căn cước công dân,... và các Nghị định của Chính phủ cho 792 đại biểu tham gia 04 hội nghị trực tuyến tại điểm cầu thành phố và điểm cầu các xã, phường; triển khai dán 500 poster tại các nhà văn hóa, chợ, bến xe,... để tuyên truyền về công tác phòng, chống tội phạm; tiến hành cấp phát 4.500 tờ rơi tuyên truyền những điểm mới của Luật Căn cước công dân. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được 1.246 chương trình truyền hình, truyền thanh, tin bài, phóng sự, video,... với thời lượng 5.600 phút.

<sup>(53)</sup> Chứng thực 5.104 trường hợp; Tiếp nhận và giải quyết 2.249/2.249 hồ sơ đăng ký, quản lý hộ tịch. Thực hiện đăng ký khai sinh 564 trường hợp; kết hôn 158 cặp; khai tử 110 trường hợp; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 640 trường hợp,... Tiếp nhận và giải quyết hòa giải 47 vụ việc (*hòa giải thành 30 vụ việc; hòa giải không thành 13 vụ việc, đang hòa giải 04 vụ việc*) nội dung các vụ việc chủ yếu tập trung vào tranh chấp đất đai, hôn nhân và gia đình, các mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư.

<sup>(54)</sup> Xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch sẵn sàng chiến đấu từ thành phố đến các cơ sở xã, phường. Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng và kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng địa phương năm 2024. Kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ; Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự năm 2024. Kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan. Kế hoạch ứng phó thảm họa, sự cố thiên tai và TKCN.

<sup>(55)</sup> Quân sự 27 công dân; Công an 23 công dân. Hướng dẫn đăng ký tuyển sinh quân sự cho 65 cháu thi tuyển vào các trường trong quân đội. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự cho 347 nam công dân đủ 17 tuổi. Tổ chức đi chuyên NVQS cho 180 công dân đi học các trường đại học, cao đẳng. Hoàn chỉnh hồ sơ, bàn giao 09 công dân thi đỗ vào các trường đại học quân đội hệ chính quy và đại học quan sự cơ sở. Quyết định triệu tập và bàn giao cán bộ khung B tham gia huấn luyện quân dự bị năm 2024, quân số 82 đồng chí (*sĩ quan 30 đồng chí, hạ sĩ quan 52 đồng chí*).

<sup>(56)</sup> Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân thành phố, quân số tham gia 962/1052 đồng chí, kết quả đạt khá. Tổ chức hội thao bắn súng quân dụng, hội thao thể dục thể thao quốc phòng năm 2024 đảm bảo an toàn, tuyển chọn 10 đồng chí dân quân vào đội tuyển của Bộ CHQS tỉnh tham gia luyện tập, thi đấu cấp Quân khu.

<sup>(57)</sup> Tội phạm về TTXH: Ghi nhận xảy ra 20 vụ (*giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm 2023*), điều tra làm rõ 20/20 vụ, bắt xử lý 66 đối tượng. Tội phạm về ma túy: Bắt, khởi tố 51 vụ/56 đối tượng về hành vi mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng ma túy (*tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2023*), thu giữ 34,18g heroin, 131,92g sỏi thuốc phiện, 33,03g ma túy tổng hợp. Tội phạm về kinh tế: Phát hiện 24 vụ/26 đối tượng vi phạm (*giảm 10 vụ so với cùng kỳ năm 2023*); khởi tố 04 vụ/06 bị can; xử phạt VPHC 20 vụ/20 đối tượng, phạt tiền 192,1 trđ. Tội phạm và vi phạm về môi trường: Phát hiện và xử lý VPHC 29 vụ/29 đối tượng vi phạm (*tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm 2023*) xử phạt VPHC 29 vụ, với

công truy quét tội phạm về ma túy nhằm xây dựng thành phố Lai Châu không có ma túy giai đoạn 2024 - 2025 <sup>(58)</sup>.

Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đến nay đã thu nhận 48.651 thẻ căn cước gắn chip, kích hoạt 28.971 tài khoản ĐDDT. Thực hiện tốt công tác QLHC về trật tự xã hội và PCCC; tổ chức thành công Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ “*Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy*” thành phố Lai Châu năm 2024 <sup>(59)</sup>. Tiếp tục tăng cường bảo đảm ATGT, tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm <sup>(60)</sup>.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác xây dựng và nhân rộng mô hình toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả, tiêu biểu thực hiện trong năm 2024 là mô hình “*Tổ dân phố không tệ nạn ma túy, tệ nạn xã hội*” tại tổ 23 phường Đông Phong đã được Bộ Công an công nhận là mô hình tiêu biểu trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ <sup>(61)</sup>. Triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp xây dựng Công an phường Tân Phong kiểu mẫu về ANTT và đô thị văn minh; phường Đoàn Kết điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2024<sup>62</sup>. Tiếp tục duy trì Công an phường Quyết Tiến kiểu mẫu về ANTT và văn minh đô thị <sup>(63)</sup>. Tổ chức “*Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ*” tại 7/7 xã, phường. và tổ chức lễ ra mắt lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ năm 2024.

Quan hệ đối ngoại tiếp tục được củng cố và tăng cường. Thành lập Đoàn công tác sang thăm và làm việc tại huyện Bun Nưa, tỉnh Phong Sa Lỳ và huyện Mường Xay, tỉnh U Đôn Xay, nước CHDCND Lào. Tổ chức đoàn cán bộ, nghệ nhân thành phố Lai Châu sang thăm và làm việc tại thành phố Kzanlak, tỉnh Kazanlak, nước cộng hòa Bungari. Tổ chức tiếp đón trang trọng, chu đáo đối với Đoàn đại biểu huyện Bun Nưa, tỉnh Phong Sa Lỳ, nước CHDCND Lào sang thăm và ký biên bản hợp tác hữu nghị năm 2024.

tổng số tiền 23,62trđ. Tiếp nhận, xử lý 101 tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, đã giải quyết 95/101 tố giác, tin báo. Thu lý điều tra 95 vụ/146 bị can, đang điều tra 16 vụ/26 bị can.

<sup>(58)</sup> Đến nay đã hoàn thành xây dựng 49/72 tổ dân phố, bản trên địa bàn không có ma túy, đạt tỷ lệ 68%, UBND tỉnh đã công nhận 49 tổ dân phố, bản không có ma túy, đồng thời công nhận 03 xã phường: Quyết Tiến, Quyết Thắng và San Thành 100% tổ dân phố, bản không có ma túy. Quản lý chặt chẽ 200 người nghiện, 31 người sử dụng trái phép chất ma túy; theo dõi 52 người nghỉ nghiện ma túy, 54 người nghỉ sử dụng trái phép ma túy, đã lập 16 hồ sơ giáo dục tại xã, phường; đưa 16 người nghiện đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu.

<sup>(59)</sup> Thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, đã tiếp nhận giải quyết 11.567/11.567 hồ sơ lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú. Quản lý chặt chẽ ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, cấp mới 08, cấp đổi 03, thu hồi 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; kiểm tra, phát hiện xử lý VPHC đối với 05 cơ sở vi phạm, phạt tổng tiền 20trđ. Đã kiểm tra 1.366/1.366 cơ sở, tiếp nhận phê duyệt 11 phương án PCCC, phát hiện xử lý 04 cơ sở vi phạm, phạt tiền 1,4trđ.

<sup>(60)</sup> Lũy kế từ đầu năm đến nay, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 11 vụ TNGT, làm 02 người chết, 10 người bị thương (*tăng 03 vụ, giảm 01 chết và tăng 03 người bị thương so với cùng kỳ năm 2023*). Phát hiện, lập biên bản VPHC đối với 1.525 trường hợp, tạm giữ 961 phương tiện và 567 giấy tờ; thực hiện xử phạt VPHC đối với 1.327 trường hợp, nộp kho bạc Nhà nước 2.784,83trđ, tước GPLX 335 trường hợp. Giải quyết 1.692 hồ sơ đăng ký phương tiện giao thông đường bộ.

<sup>(61)</sup> Xây dựng mới mô hình “*Tổ tư vấn, hỗ trợ, quản lý*” người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai. Nhân rộng 02 mô hình “*Camera an ninh*” tại phường Quyết Tiến, Quyết Thắng; 01 mô hình “*Cổng trường an toàn giao thông*” tại phường Đông Phong; 05 mô hình “*Tổ liên gia tự quản về ANTT*”; 39 mô hình “*Tổ dân phố, bản không có ma túy*”. Hiện nay duy trì 20 loại mô hình, đã xây dựng và nhân rộng thành 183 mô hình phong trào toàn dân BVANTQ hoạt động hiệu quả.

<sup>(62)</sup> Đến nay, Phường Đoàn Kết đạt 18/20 tiêu chí; phường Tân Phong đạt 26/34 tiêu chí.

<sup>(63)</sup> Trong năm, Công an phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu đã được Bộ Công an công nhận Công an phường Quyết Tiến điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị năm 2023.

## 9. Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố

Tổ chức sơ kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và nguồn vốn được phân bổ triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của từng Chương trình theo Kế hoạch thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024. Lũy kế số giải ngân đến thời điểm báo cáo là 8.546/23.266 triệu đồng, đạt tỷ lệ 36,7%; ước giải ngân hết năm 2024 là 16.959, đạt 72,9% kế hoạch <sup>(64)</sup>. Chi tiết tình hình thực hiện theo các Chương trình như sau:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giải ngân 6.095/13.472 triệu đồng, đạt 45% kế hoạch; ước thực hiện năm 2024 đạt 10.164 triệu đồng (*Trong đó: vốn đầu tư 7.264/7.264 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.900/6.208 triệu đồng*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): Giải ngân đến thời điểm báo cáo 39/2.577 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 đạt 1.827 triệu đồng, đạt 52% kế hoạch. (*Vốn sự nghiệp 1.827/2.577 triệu đồng*).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Giải ngân 2.381/7.218 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch (*Trong đó: vốn đầu tư 2.361/3.775 triệu đồng; vốn sự nghiệp 20/3.443 triệu đồng*); ước thực hiện năm 2024 đạt 4.968 triệu đồng, đạt 68,8% kế hoạch. (*Trong đó: vốn đầu tư 3.593/3.775 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.375/3.443 triệu đồng*).

Tập trung rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới tại 02 xã San Thành và xã Sùng Phài. Ước thực hiện năm 2024, bình quân tiêu chí trên xã thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM là 14/19 tiêu chí/xã, đạt 76% KH giao (*xã Sùng Phài đạt 13/19 tiêu chí nông thôn mới, xã San Thành đạt 15/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao*).

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

#### 1. Chương trình phát triển thương mại và dịch vụ du lịch

Ban hành Kế hoạch Phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024. Thông tin cảnh báo các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp. Đăng ký khai thác nền tảng số Vibook, sàn TMĐT tỉnh Lai Châu. Phối hợp tổ chức Hội chợ thương mại năm 2024 và tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm phát triển thương mại dịch vụ tại một số địa phương như: Thái Nguyên, Hà Nội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch thành phố Lai Châu trên các trang fanpage, mạng xã hội, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ mang đậm nét bản sắc văn hóa các

<sup>(64)</sup> Giải ngân vốn giao 2024 là 8.115 trđ/19.605 trđ (*Vốn đầu tư 6.805 trđ; Vốn sự nghiệp: 787 trđ*); ước giải ngân hết năm 2024 là 14.687, đạt 74,9% kế hoạch (*trong đó: vốn đầu tư 6.648 trđ; vốn sự nghiệp 1.416 trđ*). Giải ngân chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 451/3.661 trđ (*Vốn sự nghiệp 451/2.917 trđ*); ước giải ngân năm 2024 là 2.272 trđ, đạt 62% kế hoạch.

dân tộc thiểu số thành phố Lai Châu... nhằm tuyên truyền, quảng bá thu hút khách du lịch đến thăm quan và trải nghiệm tại thành phố.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phát triển các sản phẩm OCOP, trong đó, tập trung vào các sản phẩm có thể mạnh (các sản phẩm về chè, rượu...) đến nay trên địa bàn Thành phố có 66 sản phẩm của 28 chủ thể được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (*56 sản phẩm 3 sao; 10 sản phẩm 4 sao*) trong đó có 52 sản phẩm còn hiệu lực giấy chứng nhận. Ban hành Kế hoạch xây dựng bản văn hóa du lịch Gia Khâu 1 xã Sùng Phài trở thành sản phẩm OCOP vào năm 2024.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/9/2020 của BCH Đảng bộ thành phố Lai Châu khóa IV về phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố Lai Châu, giai đoạn 2020-2025. Kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Nghị quyết, như sau:

#### **- Về thương mại**

+ Đến hết năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ thương mại ước đạt 4.475 tỷ đồng, đạt 92,6% NQĐH (*Mục tiêu NQ 4.832 tỷ đồng*).

+ Đến nay, trên địa bàn thành phố có 06 điểm Chợ, trong đó: Chợ Đầu Mối và chợ Trung tâm thương mại không thuộc đối tượng thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ. Đối với Chợ Trung tâm thành phố và Chợ phường Quyết Thắng, UBND thành phố đang thực hiện giải quyết vướng mắc theo nội dung đề nghị của các doanh nghiệp. Chợ xã San Thàng và Chợ phường Tân Phong 1 đang tạm dừng thực hiện công tác chuyển đổi chờ văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết. Dự ước thực hiện đến hết 2025, mục tiêu 100% các chợ trên địa bàn được chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác và hoạt động có hiệu quả là khó thực hiện.

#### **- Về dịch vụ du lịch**

+ Lượng khách du lịch đến với thành phố ước đạt hơn 647.700 lượt người đạt 71% mục tiêu Nghị quyết (*Mục tiêu NQ đạt 915.000 lượt người*). Doanh thu ngành du lịch ước đạt 910 tỷ đồng đạt 73% mục tiêu Nghị quyết (*Mục tiêu NQ đạt 1.250 tỷ đồng*)

+ Dự kiến năm 2024 sẽ hoàn thành mục tiêu: Xây dựng khu du lịch cộng đồng bản Gia Khâu I, xã Sùng Phài trở thành sản phẩm OCOP.

+ Đã hoàn thành mục tiêu: Phân đầu xây dựng ít nhất 10 sản phẩm truyền thống của địa phương trở lên thành sản phẩm phục vụ du lịch.

## **2. Chương trình xây dựng khu dân cư tự quản, phát triển toàn diện**

Ban hành Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 31/01/2024 về xây dựng tổ dân phố, bản tự quản, phát triển toàn diện năm 2024 với mục tiêu: Tiếp tục duy trì, phân đầu thực hiện tốt các tiêu chuẩn, tiêu chí tự quản, phát triển toàn diện tại 28 tổ dân phố, bản đã được công nhận từ năm 2021 đến năm 2023 và phân đầu xây dựng 04 tổ dân phố, bản đạt mới trong năm 2024. Ban hành Kế hoạch số 3185/KH-UBND ngày 06/9/2024 về Kiểm tra, thẩm định, đánh giá, đề nghị



công nhận các tổ dân phố, bản đạt tiêu chuẩn, tiêu chí tự quản, phát triển toàn diện năm 2024 làm cơ sở để kiểm tra, thẩm định các tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện xây dựng tổ dân phố, bản tự quản, phát triển toàn diện trên địa bàn thành phố Lai Châu để xem xét công nhận năm 2024.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/ThU ngày 22/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Lai Châu về xây dựng khu dân cư tự quản, phát triển toàn diện, giai đoạn 2020 – 2025. Theo đó, đến hết năm 2024, sẽ có 35/72 tổ dân phố, bản được công nhận tổ dân phố, bản tự quản, phát triển toàn diện, đạt tỷ lệ 48,6%, vượt mục tiêu Nghị quyết. (*Mục tiêu Nghị quyết trên 30% tổ dân phố bản được công nhận*).

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐÃ GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 93/NQ-HĐND**

(1). Thu nhập bình quân đầu người ước thực hiện 62 triệu đồng/người/năm, đạt kế hoạch giao.

(2). Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện năm 2024 là 122,195 tỷ đồng, đạt 67% kế hoạch giao. (*Trong đó: Thu cân đối ngân sách 100.300 triệu đồng, đạt 107% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao; Thu tiền sử dụng đất 17.500 triệu đồng*).

(3). Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước thực hiện 128,5 triệu đồng/ha/năm, đạt 102,7% kế hoạch.

(4). Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử ước thực hiện 60%, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,73‰, đạt 103,2% kế hoạch. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (*cân nặng theo tuổi*) ước thực hiện 9,16%, đạt 100,4% kế hoạch. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước thực hiện 96,8%, đạt 99,7% kế hoạch.

(5). Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia ước thực hiện đạt 100%, đạt kế hoạch giao. Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II ước thực hiện 67,9%, đạt 105,6% kế hoạch giao.

(6). Giải quyết việc làm cho lao động ước thực hiện 950 người, đạt 100% kế hoạch. Số lao động được đào tạo nghề ước thực hiện 221 người, đạt 88,4% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn ước thực hiện đạt 84,8%, đạt 100% kế hoạch.

(7). Trên 96,3% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “*Gia đình văn hóa*”; 100% số bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “*bản, tổ dân phố văn hóa*”; 98% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa*”; 86,3% tuyến phố đạt tuyến phố văn minh, vượt kế hoạch giao; Tỷ lệ phường đạt chuẩn đô thị văn minh 80%, đạt kế hoạch.

(8). 100% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó: 100% dân số đô thị, 72,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, đạt 85,3% KH giao; 100% chất thải rắn đô thị được

thu gom, 100% chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, đạt 100% KH giao.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Kết quả đạt được nổi bật**

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu năm 2024, UBND thành phố đã bám sát các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của Thành ủy để tập trung điều hành quyết liệt với nhiều giải pháp mang tính trọng tâm, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương. Kinh tế - xã hội của thành phố tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định, một số kết quả quan trọng, nổi bật:

Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, chuyển dịch theo hướng tích cực; thương mại, dịch vụ, du lịch vẫn là trụ cột của nền kinh tế; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.475 tỷ đồng, vượt kế hoạch giao. Du lịch phát triển khá sôi động, lượt khách quốc tế tăng 4,2 lần so với năm 2023; Doanh thu và lượt khách du lịch trong năm đều đạt kế hoạch giao. Công nghiệp và nông nghiệp được duy trì và phát triển ổn định.

Lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục được quan tâm và triển khai có hiệu quả, thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, quan tâm thăm hỏi động viên các gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh, người già, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn các dịp Lễ, Tết, ngày thương binh liệt sĩ. Triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài tiếp tục được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tích cực.

Chất lượng giáo dục ngày một nâng lên rõ rệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học, trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ tiếp tục được đẩy mạnh và đã phát huy hiệu quả tích cực; tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia đạt cao. Công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được chú trọng, tăng cường. Công tác văn hóa được quan tâm chỉ đạo đúng mực, nhận thức về văn hóa của Nhân dân ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn; việc giữ gìn bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc được phát huy mạnh mẽ.

Tổ chức các hoạt động, các sự kiện chính trị, văn hoá nhân dịp các ngày kỷ niệm các ngày Lễ lớn của đất nước, của Tỉnh và thành phố đảm bảo an toàn, trang trọng. Tiêu biểu trong năm đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng bộ thành phố; 20 năm chia tách thành lập Thành phố Lai Châu (10/10/2004 – 10/10/2024) với nhiều hoạt động ý nghĩa nhằm ôn lại truyền thống, lịch sử của Thành phố.

Lĩnh vực xây dựng chính quyền, cải cách thủ tục hành chính được quan tâm, thực hiện có hiệu quả; triển khai quyết liệt việc đẩy mạnh ứng dụng cơ sở

dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử theo Đề án 06 đã phục vụ tốt nhu cầu của người dân trong giải quyết TTHC, khám chữa bệnh, thanh toán không dùng tiền mặt. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo tiếp tục được duy trì thực hiện tốt, số lượng đơn thư tiếp nhận và xử lý giảm mạnh so với cùng kỳ 2023.

Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; kịp thời hỗ trợ người dân và các địa phương ngoại tỉnh khắc phục hậu quả thiên tai. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố được giữ vững ổn định. Các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, tăng cường sự đoàn kết hữu nghị; hoạt động kết nghĩa với các địa phương tiếp tục được quan tâm và chỉ đạo thực hiện đảm bảo quy định.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Có 01 chỉ tiêu chủ yếu và 03 chỉ tiêu thành phần trong các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch đề ra gồm: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (*đạt 67% KH giao*). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*đạt 99,6% KH giao*). Số lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (*đạt 88,4% KH giao*). Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (*đạt 72,5%*).

- Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu (*đến thời điểm báo cáo đạt 25,5% kế hoạch, ước cả năm đạt 53% kế hoạch*).

- Công tác giải phóng mặt bằng tại một số dự án còn vướng mắc chưa được giải quyết dứt điểm (*Dự án Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường 17 phường Quyết Thắng; Tuyến đường từ Quốc lộ 4D đến bản Tả Chải – Trung Chải xã Sùng Phài; Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cự Nhà La đến khu đội 5 giao với đại lộ Lê Lợi*).

- Việc giải ngân thực hiện các Chương trình MTQG còn chậm, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp.

- Chất lượng công tác đào tạo nghề có mặt còn hạn chế.

## **3. Nguyên nhân hạn chế**

- Nguồn thu NSNN trên địa bàn không đạt kế hoạch giao là do nguồn thu sử dụng đất không đảm bảo theo kế hoạch đề ra, do thị trường bất động sản trầm lắng, kế hoạch đấu giá đất của thành phố không thành công nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu thu NSNN trên địa bàn và cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lực thực hiện các dự án, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế chưa đạt kế hoạch giao chủ yếu do số người tham gia BHYT thuộc hộ gia đình tham gia với thời gian ngắn hạn

(từ 1-3 tháng) khi thẻ BHYT hết hạn, chưa tham gia lại. Mặt khác, một bộ phận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đa phần là đồng bào dân tộc thiểu số không thể tham gia hoặc tham gia lại, còn tình trạng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên không chủ động tham gia.

- Số lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên không đạt kế hoạch chủ yếu do nhu cầu đăng ký đào tạo nghề trong năm giảm; đối tượng đào tạo hẹp (*người lao động là người dân tộc thiểu số, người dân tộc kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) nên khó khăn trong công tác tuyển sinh mở lớp. Trình độ, độ tuổi đào tạo không đồng đều, thời gian đào tạo ngắn hạn (dưới 3 tháng) học viên mới chỉ nắm bắt được kiến thức cơ bản đã phần nào ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo nghề, nên phần lớn sau đào tạo học viên chưa thể tự tạo việc làm hoặc xin được việc làm.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung không đạt kế hoạch giao trong năm, nguyên nhân chính do một số hộ dân trên địa bàn sử dụng nguồn nước từ các nguồn nước tự nhiên (*giếng nước, mó nước*) cơ bản đảm bảo nước sinh hoạt và không có nhu cầu lắp hệ thống nước sạch; một số khu vực mặc dù đã được đầu tư hệ thống cấp nước nhưng các hộ dân chưa nhất trí việc sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung vì phải trả giá dịch vụ nước hàng tháng.

- Một số hộ dân có đất phải thu hồi để thực hiện dự án chưa đồng thuận với phương án bồi thường hỗ trợ. Mặt khác, do Luật đất đai được sửa đổi, bổ sung dẫn đến các cơ chế chính sách về BT-HT TĐC có sự thay đổi, cần phải chờ các bộ ngành, địa phương có văn bản hướng dẫn cụ thể mới có căn cứ, cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

- Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024 tỉnh giao còn chậm. Một số các cơ quan, đơn vị được giao vốn chưa chủ động trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án theo kế hoạch.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG – AN NINH NĂM 2025**

#### **I. DỰ BÁO THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Dự báo sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen, Trung ương và tỉnh tiếp tục có những chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đó sẽ là những thời cơ, thuận lợi cho thành phố Lai Châu huy động và tập trung được nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Bên cạnh những mặt thuận lợi, thành phố vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Quy mô nền kinh tế còn nhỏ chưa xứng với tiềm năng và lợi thế; tình hình thiên tai, thời tiết, dịch bệnh vẫn còn có những diễn biến phức tạp, khó lường; việc thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách còn chậm; đời sống của nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, trong điều kiện còn có nhiều khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen nhau, đòi hỏi Chúng ta, cả hệ thống chính trị từ Thành phố đến cơ sở cần phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực hành động quyết liệt hơn, đẩy mạnh tăng tốc, bứt phá với một quyết tâm cao nhất, hoàn thành các mục, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 góp phần thực hiện thắng lợi các mục, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

## **II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố. Tập trung đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị kinh tế cao, phát triển các mô hình liên kết giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển văn hóa gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, quan tâm bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đối ngoại. Phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1). Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người/năm.
- (2). Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 170,3 tỷ đồng.
- (3). Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 135,6 triệu đồng/ha/năm.
- (4). Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,58‰/năm. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (*thể nhẹ cân*) giảm xuống còn 9,0%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,8%.
- (5). Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%. Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II đạt 67,9%.
- (6). Giải quyết việc làm cho 970 lao động/năm. Lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (*dưới 3 tháng*) đạt 250 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đạt 85,4%.
- (7). 96,3% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “*Gia đình văn hóa*”; 100% số bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “*bản, tổ dân phố văn hoá*”; 98,1% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa*”; 89,3% tuyến phố đạt tuyến phố văn minh. 80% phường đạt chuẩn đô thị văn minh.
- (8). 100% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trong đó: 100% dân cư thành thị; 85% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 100% Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom; 100% chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

## II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

1. Chương trình phát triển thương mại và dịch vụ du lịch.
2. Chương trình xây dựng khu dân cư tự quản, phát triển toàn diện.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

### 1. Tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Thực hiện quyết liệt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, các Chương trình, Đề án của tỉnh, thành phố trong giai đoạn 2021-2025. Bám sát chỉ đạo của Trung

ương, của tỉnh về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

## **2. Về phát triển kinh tế**

### ***2.1. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch***

Đẩy mạnh phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các loại hình thương mại, dịch vụ; kết hợp phát triển thương mại truyền thống với phát triển thương mại điện tử. Khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị phù hợp với quy hoạch đô thị, đầu tư khai thác các cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, bằng các hình thức phù hợp theo quy định. Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi mô hình quản lý đầu tư và khai thác các chợ; định hướng cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh xây dựng và phát triển thương hiệu riêng của sản phẩm. Tăng cường công tác kiểm soát, quản lý tốt giá cả thị trường, đảm bảo cân đối các hàng hóa thiết yếu phục vụ cho Nhân dân trên địa bàn, chú trọng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bình ổn giá cả thị trường. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ vào chuyển đổi số trong quản lý, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu chỉ dẫn địa lý nguồn gốc sản phẩm, xây dựng sản phẩm OCOP, các mặt hàng đặc trưng, truyền thống của địa phương để phục vụ du lịch.

Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch gắn với xây dựng các sản phẩm đặc trưng, tạo được sự đột phá trong phát triển du lịch của thành phố. Tăng cường quảng bá giới thiệu du lịch, nhằm khai thác có hiệu quả các điểm du lịch, các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn gắn với giới thiệu các sản phẩm văn hóa của địa phương. Phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch; thông tin quảng bá xúc tiến du lịch thành phố Lai Châu trên các trang thông tin điện tử thành phố, các fanpage ứng dụng facebook... nhằm thu hút du khách đến thăm quan, trải nghiệm tại thành phố Lai Châu. Khuyến khích, tạo điều kiện cho loại hình dịch vụ hỗ trợ, phục vụ phát triển.

## **2.2. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trên thị trường. Khuyến khích, phát triển các nghề truyền thống của địa phương, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp vào những ngành nghề có lợi thế của địa phương, như: công nghiệp khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản.

## **2.3. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng nông thôn mới**

Tập trung thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, trọng tâm vào cơ cấu sản phẩm có ưu thế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, khu vực sản xuất hàng hóa tập trung như: Vùng sản xuất lúa chất lượng, lúa tẻ Râu và các giống lúa thuần khác; vùng nguyên liệu chè; vùng trồng cây ăn quả; cây mắc ca; phát triển trồng rau an toàn chất lượng cao; phát triển chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, chú trọng vệ sinh an toàn dịch bệnh; phát triển đàn Ong và diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp hợp tác xã. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu tại đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, quản lý và bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm, năm 2025 phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt 28,34%, đạt và vượt mục tiêu kế hoạch giai đoạn (*Mục tiêu đến năm 2025 là 28%*).

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 2 xã. Quan tâm, dành nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nhất là đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, điện, nước nông thôn, quản lý khai thác tốt các công trình đã được đầu tư. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn hai xã, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng môi trường và đời sống văn hóa nông thôn. Phấn đấu về đích nông thôn mới, bình quân tiêu chí trên xã thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM là 19 tiêu chí/xã (*Xã Sùng Phài đạt chuẩn nông thôn mới; xã San Thành đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*).

## **2.4. Thu, chi ngân sách, tín dụng ngân hàng**

Thực hiện bền bộ các giải pháp để chống thất thu ngân sách, khai thác tốt các nguồn thu. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai nộp thuế, thực hiện tốt



công tác kiểm tra thuế, giải quyết có hiệu quả tình trạng nợ đọng thuế. Triển khai, thực hiện các dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất để tăng nguồn thu phục vụ đầu tư phát triển. Đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và phê duyệt quyết toán. Phần đầu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 170,3 tỷ đồng.

Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, đúng chế độ quy định; thực hành tiết kiệm chống lãng phí có hiệu quả, đảm bảo cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công. Thực hiện tốt Chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về quản lý tài chính.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động trên địa bàn thành phố; tiếp tục dành một phần vốn từ ngân sách để bổ sung nguồn vốn vay cho các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn, kiểm soát việc thực hiện chính sách đúng theo quy định Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

### ***2.5. Phát triển các thành phần kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh***

Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn thành phố. Tăng cường hiệu quả hoạt động của Tổ giúp việc cho Chủ tịch UBND thành phố trong việc nghiên cứu, đề xuất các dự án thu hút đầu tư ngoài ngân sách đối với các dự án các nhà đầu tư đang quan tâm; công khai, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư tiếp cận các dự án, các cơ chế, chính sách của tỉnh (*nếu có*) để nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn. Chủ động rà soát, nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về quy trình, thủ tục đầu tư, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng trong đầu tư.

### ***2.6. Công tác quản lý, phát triển đô thị***

Thực hiện đầu tư theo đúng quy hoạch và chương trình phát triển đô thị; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, lựa chọn các công trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng ngay từ khâu lập, phê

duyet chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư đến triển khai và quyết toán vốn đầu tư. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các công trình, dự án khởi công để thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, đảm bảo công trình thi công đúng thiết kế, kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng công trình.

### ***2.7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; bồi thường, HT, TĐC***

Tăng cường công tác quản lý đất đai, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường. Thực hiện hiệu quả công tác phát triển quỹ đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá đất, cho thuê đất theo quy định; quản lý tốt quỹ đất chưa sử dụng tại các dự án. Thực hiện tốt công tác thống kê, kiểm kê đất và xây dựng giá đất theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện có hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư các dự án đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, gắn quy hoạch phát triển đô thị với bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường, chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng.

### ***2.8. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội***

Thực hiện huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn ngay từ khâu lập, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư đến triển khai và quyết toán vốn đầu tư; lựa chọn các công trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và 03 Chương trình MTQG theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh. Kịp thời xử lý các điểm nghẽn trong giải ngân vốn đầu tư công nhất là vướng mắc trong thực hiện thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, đảm bảo thi công đúng thiết kế, kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng.

## **3. Về phát triển văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội**

### ***3.1. Giáo dục và Đào tạo, Khoa học - Công nghệ***

Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào

tạo; tiếp tục thực hiện kế hoạch mô hình lớp học thông minh tiến tới xây dựng trường học thông minh. Quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn, thực hiện chuyển đổi số; đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị trường, lớp học gắn với thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Duy trì và hoàn thành các lớp xóa mù chữ theo kế hoạch; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trên địa bàn. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề; gắn kết đào tạo nghề với nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

### ***3.2. Về văn hoá, thể thao, Thông tin - truyền thông***

Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa, cơ sở; tiếp tục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao. Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để phát triển các sản phẩm chủ lực sản phẩm OCOP của địa phương; chú trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc hàng hóa đặc trưng của thành phố.

### ***3.3. Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ Nhân dân***

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân; chủ động phòng chống dịch bệnh; thực hiện hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Chú trọng đào tạo đội ngũ bác sỹ, đảm bảo năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm y tế; theo dõi sức khỏe điện tử, dự ước thực hiện đến hết năm 2025, tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn đạt 95%.

### ***3.4. Lao động việc làm; an sinh xã hội, giảm nghèo***

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững, dự ước đến hết 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm xuống còn 1,21% tương ứng là 160 hộ nghèo. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chính sách trẻ em toàn diện, phòng chống tệ nạn xã hội.

### ***3.5. Thực hiện nếp sống văn minh đô thị***

Đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng nếp sống văn minh đô thị, từng bước hoàn thiện các chuẩn mực về hành vi ứng xử văn hóa, văn minh đô thị, góp phần

đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước xây dựng thành phố Lai Châu trở thành đô thị xanh, sạch, đẹp, văn minh, hiện đại.

### **3.6. Công tác dân tộc, tôn giáo**

Thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển sản xuất, giảm nghèo, quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc, phát huy vai trò người có uy tín trong việc phát triển kinh tế, giữ gìn ổn định an ninh chính trị.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, định hướng cho Nhân dân hoạt động tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo. Thường xuyên nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những thủ đoạn lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

### **4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

Tiếp tục củng cố, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính thực chất, hiệu quả hơn nữa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp và giải quyết các dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) trên địa bàn.

### **5. Công tác thanh tra, tư pháp, phòng chống tham nhũng**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thanh tra; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

### **6. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; công tác đối ngoại**

Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh năm 2025, nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội đang quan tâm; tăng cường các biện pháp phòng

ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động đối ngoại. Tiếp tục duy trì và phát triển có chiều sâu các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập. Triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động kết nghĩa với các đơn vị theo Chương trình đã được ký kết.

## **7. Giải pháp thực hiện 02 Chương trình trọng tâm**

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện có hiệu quả 02 chương trình trọng tâm:

Tập trung rà soát quy hoạch phát triển mạng lưới chợ và trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn thành phố, tập trung nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển thương mại dịch vụ, du lịch nhằm phát huy tiềm năng lợi thế sẵn có về các loại hình phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh để giới thiệu tới các đơn vị kinh doanh các chương trình xúc tiến thương mại, cách thức thực hiện; hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thiện thủ tục thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng và nâng cao chất lượng hàng hóa; đưa các sản phẩm của địa phương tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh, nhất là các sản phẩm OCOP, các sản phẩm văn hóa và ẩm thực đặc trưng truyền thống của địa phương; rà soát, điều chỉnh nội dung cho phù hợp trong việc thực hiện Chương trình phát triển thương mại và dịch vụ du lịch của thành phố. Tiếp tục duy trì các hoạt động tại phố đi bộ Hoàng Diệu và Chợ Đêm Sơn Thành. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cung cấp thông tin, quảng bá hình ảnh du lịch thành phố Lai Châu trên các ứng dụng nền tảng mạng xã hội, internet đến du khách trong nước và quốc tế; tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư phát triển du lịch. Hướng dẫn, hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành phát triển và hình thành các tour, tuyến du lịch nội tỉnh và ngoại tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo việc duy trì hiệu quả các mô hình tự quản trong khu dân cư, tổ dân phố, bản; tăng cường công tác tuyên truyền, nhắc nhở người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác chấp hành các quy định. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, nắm tình hình, kịp thời xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định. Đồng thời, làm tốt công tác biểu dương đối với những tập thể, cá nhân trên địa bàn có nhiều thành tích, đóng góp trong việc xây dựng tổ dân phố, bản phát triển toàn diện. Tiếp tục duy trì số tổ dân phố, bản đã đạt trong năm 2024; tiếp tục phát triển các tổ dân phố còn lại chưa đạt. Rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí để

điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế khi thực hiện Chương trình khu dân cư tự quản phát triển toàn diện.

*(Có Hệ thống biểu mẫu các chỉ tiêu kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, kế hoạch năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu./.

**Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- TT. UBND, Ủy ban MTTQ thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trang thông tin, điện tử thành phố;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Nghiệp**

Biểu số 1

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>									
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	59.0	62.0	62.0	65.0	105.1	100.0	104.8	
2	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	125.696	182.600	122.195	170.300	97.2	66.9	139	
3	Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/ha/năm	115.7	125.1	128.5	135.6	111.1	102.7	105.5	
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>									
4	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	50	60	60	95	120.0	100.0	158.3	
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%o/năm	10.7	10.04	9.73	9.58	110.0	103.2	101.6	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	9.4	9.20	9.16	9.00	102.6	100.4	101.8	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	96	97.1	96.8	96.8	100.8	99.7	100.0	
5	Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia	%	78.6	100	100	100	127.2	100.0	100.0	
	Tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	%	53.6	64.3	67.9	67.9	126.6	105.6	100.0	
6	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	950	950	950	970	100.0	100.0	102.1	
	Số lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên	Người	250	250	221	250	88.4	88.4	113.1	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn	%	84.5	84.8	84.8	85.4	100.3	100.0	100.7	
7	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	96.3	96.3	96.3	96.3	100.0	100.0	100.0	
	Tỷ lệ bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98.1	98	98	98.1	99.9	100.0	100.1	
	Tỷ lệ các tuyến phố đạt tuyến phố văn minh	%	83.2	85.5	86.3	89.3	103.7	100.9	103.5	
	Tỷ lệ phường đạt chuẩn đô thị văn minh	%	-	80	80	80		100.0	100.0	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>									
<b>8</b>	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
	+ Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	85	85	72.5	85.0	85.3	85.3	117.2	
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0		

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đồng Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phài	
<b>A</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GIÁ HIỆN HÀNH)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>467.4</b>	<b>495.2</b>	<b>518.4</b>	<b>539.4</b>								<b>111</b>	<b>105</b>	<b>104</b>	
	- Nông nghiệp	„	431.4	459.1	482.3	503.8								112	105	104	
	Trong đó: + Trồng trọt	„	286.1	309.8	332.7	352.6								116	107	106	
	+ Chăn nuôi	„	129.3	133.4	133.6	135.2								103	100	101	
	+ Dịch vụ NN	„	16.0	16.0	16.0	16.0								100	100	100	
	- Lâm nghiệp	„	8.1	8.1	8.1	8.1								100	100	100	
	- Thủy sản	„	28.0	28.0	28.0	27.6								100	100	99	
<b>B</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>																
	- Tổng diện tích đất nông nghiệp canh tác	Ha	2,713.2	2,699.2	2,699.2	2,697.5	82.80	157.00	149.70	114.11	42.90	793.80	1,357.20	99	100	100	
	- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Tr.d/ha/năm	115.7	125.1	128.5	135.6								111	102.7	106	
	- Giá trị sản xuất vùng chuyên canh tập trung	Tr.d/ha/năm	226.0	226.0	226.0	226.0								100	100	100	
	- Tổng diện tích gieo trồng	Ha	3,492.5	3,528.5	3,534.1	3,537.6	105.30	185.03	220.70	191.24	69.90	1,124.20	1,641.20	101	100	100	
	- Tổng diện tích sản xuất tăng vụ	Ha	779.3	829.3	834.9	836.0	22.50	28.00	71.00	77.13	27.00	330.40	280.00	107	101	100	
<b>I</b>	<b>Sản lượng lương thực</b>																
	- Tổng SLLT có hạt	Tấn	8,007.1	8,416.1	8,490.9	8,382.7	215.20	144.20	581.00	505.24	104.80	2,769.31	4,062.99	106	101	99	
	Trong đó: - Thóc	Tấn	2,704.0	2,690	2,739.5	2,735.8	36.26	-	239.70	136.14	19.60	843.33	1,460.74	101	102	100	
	Cơ cấu thóc ruộng trong TSLLT	%	2,704.0	32.0	32.3	32.6								1	101	101	
<b>1</b>	<b>Diện tích cây hàng năm</b>	<b>Ha</b>	<b>2,104.8</b>	<b>2,139.3</b>	<b>2,145.8</b>	<b>2,118.3</b>	<b>56.30</b>	<b>44.50</b>	<b>155.50</b>	<b>156.04</b>	<b>48.00</b>	<b>733.90</b>	<b>928.05</b>	<b>102</b>	<b>100</b>	<b>99</b>	
a	Cây lương thực (Có hạt)																
	Diện tích	Ha	1,693.9	1,731.4	1,745.1	1,715.4	44.30	28.00	120.00	97.06	21.00	548.20	856.80	103	101	98	
	Sản lượng	Tấn	8,007.1	8,416.1	8,490.9	8,382.7	215.20	144.20	581.00	505.24	104.80	2,769.31	4,062.99	106	101	99	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phài	
+	<b>Lúa mùa: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>510.5</b>	<b>508</b>	<b>517.0</b>	<b>516.3</b>	<b>7.40</b>	<b>-</b>	<b>47.00</b>	<b>26.08</b>	<b>4.00</b>	<b>152.50</b>	<b>279.30</b>	<b>101</b>	<b>102</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	53.0	53	53.0	53.0	49.00	-	51.00	52.20	49.00	55.30	52.30	100	100	100	
	Sản Lượng	Tấn	2,704.0	2,690	2,739.5	2,735.8	36.26	-	239.70	136.14	19.60	843.33	1,460.74	101	102	100	
	Trong đó: Diện tích lúa hàng hóa tập trung	Ha	329.2	329.2	334.2	334.2	-	-	30.00	22.23	-	140.00	142.00	102	102	100	
	Năng suất	Tạ/ha	51.2	52.73	52.8	52.8	-	-	49.50	54.70	-	53.90	52.00	103	100	100	
	Sản Lượng	Tấn	1,684.3	1,736.1	1,763.1	1,763.1	-	-	148.50	121.60	-	754.60	738.40	105	102	100	
+	<b>Cây ngô: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>1,183.4</b>	<b>1,223.4</b>	<b>1,228.1</b>	<b>1,199.1</b>	<b>36.90</b>	<b>28.00</b>	<b>73.00</b>	<b>70.98</b>	<b>17.00</b>	<b>395.70</b>	<b>577.50</b>	<b>104</b>	<b>100</b>	<b>98</b>	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Ha	646.9	636.9	641.6	615.6	24.40	14.00	30.00	33.99	8.00	167.70	337.50	99	101	96	
	+ Vụ thu đông	Ha	376.5	426.5	426.5	423.5	9.50	14.00	25.00	26.99	8.00	140.00	200.00	113	100	99	
	+ Vụ đông	Ha	160	160	160.0	160.0	3.00	-	18.00	10.00	1.00	88.00	40.00	100	100	100	
	Năng suất	Tạ/ha	44.8	46.8	46.8	47.1	48.49	51.50	46.75	47.94	50.12	48.67	45.07	105	100	101	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Tạ/ha	45.3	48.9	49.0	49.4	51.00	55.00	53.00	53.00	55.00	54.00	45.40	108	100	101	
	+ Vụ thu đông	Tạ/ha	47.1	47.1	47.1	47.4	46.00	48.00	47.00	46.00	47.00	49.00	45.90	100	100	101	
	+ Vụ đông	Tạ/ha	37.5	37.5	37.5	37.5	36.00	-	36.00	35.00	36.00	38.00	38.00	100	100	100	
	Sản Lượng	Tấn	5,303.1	5,726	5,751.4	5,647.0	178.94	144.20	341.30	369.10	85.20	1,925.98	2,602.25	108	100	98	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Tấn	2,928.7	3,117	3,142.8	3,038.4	124.44	77.00	159.00	196.10	44.00	905.58	1,532.25	107	101	97	
	+ Vụ thu đông	Tấn	1,773.8	2,008.0	2,008.0	2,008.0	43.70	67.20	117.50	138.00	37.60	686.00	918.00	113	100	100	
	+ Vụ đông	Tấn	600.6	600.6	600.6	600.6	10.80	-	64.80	35.00	3.60	334.40	152.00	100	100	100	
<b>b</b>	<b>Cây màu</b>																
	Diện tích	Ha	329.8	326.8	335.1	337.3	12.00	16.50	35.00	55.18	27.00	129.10	66.50	102	103	101	
	Sản lượng	Tấn	3,126.9	3,148.8	3,235.8	3,261.5	95.50	148.50	367.50	496.28	275.00	1,221.00	600.00	103	103	101	
+	<b>Cây rau màu khác</b>	<b>Ha</b>	<b>278.8</b>	<b>293.8</b>	<b>302</b>	<b>308</b>	<b>11.00</b>	<b>16.50</b>	<b>30.00</b>	<b>55.18</b>	<b>27.00</b>	<b>114.10</b>	<b>54.50</b>	<b>108</b>	<b>103</b>	<b>102</b>	
	- Diện tích rau chính	Ha	62.0	62.0	64.7	66.7	1.0	2.50	5.00	15.04	9.00	19.70	14.50	104	104	103	
	- Diện tích rau tăng vụ	Ha	216.8	231.8	237.4	241.5	10.00	14.00	25.00	40.14	18.00	94.40	40.00	110	102	102	
	- Năng suất	Tạ/ha	98.4	98.7	98.9	98.7	80.00	90.00	110.00	89.94	102.00	105.00	93.00	101	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	2,742.3	2,899.8	2,987.2	3,043.1	88.00	148.50	330.00	496.28	275.40	1,198.05	506.85	109	103	102	
+	<b>Cây khoai lang: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>51.0</b>	<b>33.0</b>	<b>33.0</b>	<b>29.0</b>	<b>1.00</b>	<b>-</b>	<b>5.00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.00</b>	<b>8.00</b>	<b>65</b>	<b>100</b>	<b>88</b>	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đồng Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thàng				Sùng Phài	
	Trong đó diện tích tăng vụ	Ha	26.0	11.0	11.0	11.0	-	-	3.00	-	-	8.00	-	42	100	100	
	- Năng suất	Tạ/ha	147.9	226.4	226	199	75.00	-	75.00	-	-	76.00	75.50	153	100	88	
	- Sản lượng	Tấn	384.6	249.0	249	218	7.50	-	37.50	-	-	113.00	60.40	65	100	88	
<b>c</b>	<b>Cây hoa</b>	<b>ha</b>	<b>81.1</b>	<b>81.1</b>	<b>65.7</b>	<b>65.7</b>	-	-	<b>0.50</b>	<b>3.80</b>	-	<b>56.60</b>	<b>4.75</b>	<b>81</b>	<b>81</b>	<b>100</b>	
<b>2</b>	<b>Cây công nghiệp</b>	<b>Ha</b>	<b>1,387.8</b>	<b>1,389.3</b>	<b>1,388.3</b>	<b>1,415.3</b>	<b>49.00</b>	<b>140.50</b>	<b>65.20</b>	<b>35.20</b>	<b>21.90</b>	<b>390.30</b>	<b>713.15</b>	<b>100</b>	<b>99.9</b>	<b>102</b>	
<b>a</b>	<b>Cây công nghiệp ngắn ngày</b>	<b>Ha</b>	<b>175.0</b>	<b>175.0</b>	<b>175.0</b>	<b>172.0</b>	<b>2.00</b>	-	<b>1.00</b>	-	-	<b>4.00</b>	<b>165.00</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>98</b>	
-	<b>Cây lạc: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>21.0</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>1.00</b>	-	-	-	-	-	<b>20.00</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	11.1	11	11	11	10.00	-	-	-	-	-	11.20	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	23.4	23.4	23.4	23.4	1.00	-	-	-	-	-	22.40	100	100	100	
-	<b>Cây Đậu tương: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>9.0</b>	<b>9.0</b>	<b>9.0</b>	<b>6.0</b>	<b>1.00</b>	-	-	-	-	-	<b>5.00</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>67</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	9.2	9.2	9.3	9.3	8.60	-	-	-	-	-	9.30	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	8.3	8.3	8.3	5.6	0.90	-	-	-	-	-	4.65	100	100	67	
-	<b>Cây Mía: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>5.0</b>	<b>5.0</b>	<b>5.0</b>	<b>5.0</b>	-	-	<b>1.00</b>	-	-	<b>4.00</b>	-	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	700.0	700	700	700	-	-	700.00	-	-	700.00	-	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	350	350	350	350	-	-	70.00	-	-	280.00	-	100	100	100	
-	<b>Cây Dong Riêng: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	-	-	-	-	-	-	<b>110.00</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	550	550	550.0	550.0	-	-	-	-	-	-	550.00	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	6,050	6,050	6,050.0	6,050.0	-	-	-	-	-	-	6,050.00	100	100	100	
-	<b>Cây Sắn</b>	<b>Ha</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	-	-	-	-	-	-	<b>30.00</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	450	450	450.0	450.0	-	-	-	-	-	-	450.00	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	1,350.0	1,350	1,350.0	1,350.0	-	-	-	-	-	-	1,350.00	100	100	100	
<b>b</b>	<b>Cây công nghiệp lâu năm</b>	<b>Ha</b>	<b>1,212.8</b>	<b>1,214.3</b>	<b>1,213.3</b>	<b>1,243.3</b>	<b>47.00</b>	<b>140.50</b>	<b>64.20</b>	<b>35.20</b>	<b>21.90</b>	<b>386.30</b>	<b>548.15</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>102</b>	
-	<b>Cây ăn quả</b>	<b>Ha</b>	<b>160.4</b>	<b>160.4</b>	<b>160.4</b>	<b>160.4</b>	<b>1.50</b>	<b>10.50</b>	<b>10.30</b>	<b>11.40</b>	<b>4.80</b>	<b>77.40</b>	<b>44.50</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	1,214.6	1,214.6	1,214.6	1,214.6	12.00	55.00	32.00	33.60	16.00	800.00	266.00	100	100	100	
-	<b>Tổng diện tích chè</b>	<b>Ha</b>	<b>963</b>	<b>965.0</b>	<b>964.0</b>	<b>994.0</b>	<b>45.50</b>	<b>130.00</b>	<b>43.20</b>	<b>10.80</b>	<b>12.30</b>	<b>287.40</b>	<b>464.75</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>103</b>	
	Trong đó: + Diện tích trồng mới	Ha		10	10.0	30.0	-	-	-	-	-	-	30.00		100	300	
	- Diện tích chè kinh doanh	Ha	950.0	942	940.5	940.5	45.50	130.00	43.20	10.80	12.30	287.40	411.25	99	99.9	100	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đồng Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phài	
	- Diện tích chè trong giai đoạn kiến thiết cơ bản	Ha	13.5	13.5	13.5	23.5	-	-	-	-	-	-	23.50	100	100	175	
	Năng suất	Tạ/ha	115.6	115.2	115.2	115.2	212.00	145.00	151.00	178.50	163.50	116.90	87.00	100	100	100	
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	10,980.7	10,842.0	10,833	10,833	964.60	1,885.00	652.32	192.78	201.11	3,359.71	3,577.88	99	100	100	
-	<b>Diện tích cây mắc ca</b>	<b>ha</b>	<b>280.4</b>	<b>280.4</b>	<b>280.4</b>	<b>280.4</b>	-	<b>4.00</b>	<b>30.80</b>	<b>17.80</b>	<b>8.60</b>	<b>108.00</b>	<b>111.20</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	+ Diện tích trồng thuần	ha	88.9	88.9	88.9	88.9	-	-	10.70	13.00	4.80	21.50	38.90	100	100	100	
	+ Diện tích trồng xen chè	ha	191.5	191.5	191.5	191.5	-	4.00	20.10	4.80	3.80	86.50	72.30	100	100	100	
	Năng suất	Tạ/ha	11.4	11.4	49	39	-	3.00	4.74	6.65	3.89	3.16	3.89	427	427	79	
	Sản Lượng	tấn	96.0	159.9	683	1,083	-	12.00	145.90	118.40	33.49	341.08	432.23	712	427	159	
-	Diện tích Cây Thảo quả	Ha	32.9	32.9	32.9	32.9	-	-	-	-	-	-	32.90	100	100	100	
	Trong đó: DT hiện có (đã cho thu hoạch)	Ha	32.9	32.9	32.9	32.9	-	-	-	-	-	-	32.90	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	16.0	16.0	16.0	16.0	-	-	-	-	-	-	16.00	100	100	100	
<b>II</b>	<b>Chăn nuôi</b>																
<b>1</b>	<b>Tổng đàn gia súc</b>	<b>Con</b>	<b>19,306</b>	<b>19,861</b>	<b>20,027</b>	<b>20,205</b>	<b>867.00</b>	<b>1,474.00</b>	<b>4,530.00</b>	<b>1,316.00</b>	<b>1,176.00</b>	<b>4,981.00</b>	<b>5,861.00</b>	<b>104</b>	<b>100.8</b>	<b>101</b>	
	Đàn trâu	Con	1,417	1,400	1,400	1,445	30.00	25.00	65.00	55.00	10.00	180.00	1,080.00	99	100	103	
	Đàn bò	Con	690	643	643	663	5.00	120.00	35.00	3.00	50.00	60.00	390.00	93	100	103	
	Đàn ngựa	Con	543	537	633	653	18.00	80.00	-	75.00	50.00	180.00	250.00	117	118	103	
	Đàn lợn	Con	15,773	16,376	16,376	16,539	814.00	1,249.00	4,430.00	1,140.00	936.00	4,261.00	3,709.00	104	100	101	
	Đàn dê	Con	883	905	975	905	-	-	-	43.00	130.00	300.00	432.00	110	108	93	
<b>2</b>	<b>Tổng đàn gia cầm</b>	<b>Con</b>	<b>109,096</b>	<b>110,145</b>	<b>110,145</b>	<b>111,243</b>	<b>6,634</b>	<b>10,818</b>	<b>12,349</b>	<b>8,570</b>	<b>15,403</b>	<b>33,156</b>	<b>24,313</b>	<b>101</b>	<b>100</b>	<b>101</b>	
<b>3</b>	<b>Thịt hơi các loại</b>	<b>Tấn</b>	<b>2,535.2</b>	<b>2,615</b>	<b>2,619.5</b>	<b>2,651.0</b>	<b>129.76</b>	<b>228.24</b>	<b>632.20</b>	<b>175.63</b>	<b>157.63</b>	<b>651.14</b>	<b>676.43</b>	<b>103</b>	<b>100</b>	<b>101</b>	
	Trong đó: Thịt lợn	Tấn	2,214.5	2,259.0	2,259.0	2,278.4	115.22	195.77	606.02	151.85	131.01	562.35	516.20	102	100	101	
<b>C</b>	<b>THỦY SẢN</b>																
	DT nuôi trồng TS	Ha	118.7	118.7	118.7	116.1	1.00	3.70	25.90	2.45	1.64	77.42	4.00	100	100	98	
	Trong đó: + Diện tích ao	Ha	118.7	118.7	118.7	116.1	1.00	3.70	25.90	2.45	1.64	77.42	4.00	100	100	98	
	Năng suất	Tạ/ha	42.8	42.8	42.8	43.1	43.00	57.00	43.00	43.00	43.00	43.00	32.00	100	100	101	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phái	
	Sản Lượng	Tấn	508.4	508.4	508.4	500.1	4.30	21.09	111.37	10.54	7.10	332.91	12.80	100	100	98	
<b>D</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>																
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	27.8	28.01	28.04	28.34	17.75	9.33	3.35	12.09	20.19	9.44	42.77	101	100	101	
2	Diện tích đất lâm nghiệp	Ha	3,759.1	3,759.1	3,759.1	3,759.1	52.23	20.23	16.59	31.88	91.77	419.47	3,126.94	100	100	100	
	Trong đó: - Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	2,649.5	2,664.8	2,666.6	2,667.2	32.07	9.13	8.34	28.41	68.44	216.08	2,304.76	101	100	100	
	+ Rừng tự nhiên	Ha	2,448.2	2,456.8	2,457.24	2,457.24	9.01	2.46	-	27.84	46.37	114.58	2,256.98	100	100	100	
	+ Rừng trồng đã thành rừng	Ha	201.3	208.02	209.35	209.99	23.06	6.67	8.34	0.57	22.07	101.50	47.78	104	101	100	
	- Rừng trồng chưa thành rừng	Ha	76.8	70.04	67.68	67.04	2.05	3.40	2.07	-	4.36	23.67	31.49	88	97	99	
	- Đất không có rừng	Ha	1,032.9	1,024.2	1,024.84	1,024.84	18.11	7.70	6.18	3.47	18.97	179.72	790.69	99	100	100	
3	Rừng cảnh quan đô thị (rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng)	Ha	48.6	48.6	50.21	78.45	3.98	44.92	7.38	1.86	0.70	14.50	5.11	103	103	156	
4	Khoanh nuôi bảo vệ tái sinh rừng	Ha	2,726.6	2,733.5	2,735.22	2,735.86	32.07	18.79	8.34	29.62	69.88	226.63	2,350.53	100	100	100	
	+ Khoanh bảo vệ rừng	Ha	2,658.3	2,674	2,675.50	2,676.14	32.07	18.04	8.34	28.41	68.44	216.08	2,304.76	101	100	100	
	+ Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	68.3	59.7	59.7	59.7		0.75	-	1.21	1.44	10.55	45.77	87	100	100	
<b>E</b>	<b>PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>																
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100								100	100	100	
	- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100								100	100	100	
	- Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM	xã	2	2	2	2								100	100	100	
	+ Số xã đạt 19 tiêu chí (lũy kế)	xã	1	1	-	2								-	-		
	+ Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã			1	-											
	+ Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	xã			1.0	1.0											
	+ Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã	17	19	14	19								82	76	136	

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025, KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025							So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành					Sùng Phài
<b>I</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (THEO GIÁ SO SÁNH 2010)</b>	Tỷ đồng	615.9	633.3	643.2	657.30								104	102	102	
1	Phân theo thành phần kinh tế	Tỷ đồng	615.9	633.3	643.2	657.30								104	102	102	
	+ Quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	74.1	74.5	75.0	76.3								101	101	102	
	+ Khu vực ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	542	559	568.2	581.0								105	102	102	
<b>2</b>	<b>Phân theo ngành công nghiệp</b>	Tỷ đồng	615.9	633.3	643.2	657.30								104	102	102	
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	10.93	10.93	11.00	11.04								101	101	100	
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	387.7	399.66	396.4	404.8								102	99	102	
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	22.28	22.75	25.8	26.50								116	113	103	
	- CN khác	Tỷ đồng	195	200	210.0	215								108	105	102	
<b>II</b>	<b>CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU</b>																
-	Gạch xây các loại	1000 v	7,562	7,630	7,490	7,551		3,200	250	2,200	710	1,250	41	99	98	101	
-	Đá xây dựng	1000 m3	48	47.5	47.8	48.0							48	101	101	100	
-	Chế biến chè khô	Tấn	3,019	3,026	3,027	3,031	8	2,320		55	68		580	100	100	100	
-	Sản xuất xi măng	Tấn	5,500	6,000	6,000	6,200						6,200		109	100	103	
-	Sản xuất rượu địa phương	1000 L	375	378	384	394	58.0	52.0	67.0	32.0	32.0	48.0	105.0	102	102	103	
-	Nước máy sinh hoạt	1000 m3	3,095	3,160	3,225	3,281				86	345	2,850		104	102	102	
-	Sản xuất tấm lợp (tôn ép xốp)	m2	64,500	65,600	66,000	67,000	13,500	53,500						102	101	102	

Biểu số 4

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
<b>1</b>	<b>Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	<b>4,148</b>	<b>4,464</b>	<b>4,475</b>	<b>4,832</b>	<b>108</b>	<b>100.2</b>	<b>108</b>	
	- Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng	4,148	4,464	4,475	4,832	108	100	108	
	+ Thương nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng	3,950	4,226	4,227	4,504	107	100	107	
	+ Dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	198	238	248	328	125	104	132	
	- Các mặt hàng chủ yếu									
	+ Xăng dầu	Tấn	20,672	23,518	23,714	26,425	115	101	111	
	Trong đó: Dầu hoả	Tấn	5.03	5.70	5.80	6.52	115	102	112	
	+ Muối I ốt	Tấn	13.79	15.63	15.83	17.87	115	101	113	
	+ Giống Nông nghiệp	Tấn	256.00	290	298	331	116	103	111	
	+ Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	Triệu đồng	26.86	30.45	30.65	34.81	114	101	114	
	+ Giấy vờ	Tấn	181	205.2	207.2	234.5	114	101	113	
<b>2</b>	<b>Khách sạn - Nhà hàng - Dịch vụ du lịch</b>									
<b>2.1</b>	<b>Mạng lưới</b>									
	- Số Khách sạn	cái	24	23	23	23	96	100	100	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
	Trong đó: KS 3 sao trở lên	cái	2	2	2	2	100	100	100	
	- Số phòng khách sạn	Phòng	752	823	823	823	109	100	100	
	Công suất sử dụng phòng	%	55	65	65	65	118	100	100	
	- Nhà hàng	cái	54	50	50	50	93	100	100	
<b>2.2</b>	<b>Tổng lượt khách du lịch</b>	<b>Lượt người</b>	<b>223,490</b>	<b>228,450</b>	<b>228,643</b>	<b>268,550</b>	<b>102.3</b>	<b>100.1</b>	<b>117</b>	
	- Khách quốc tế	Lượt người	4,310	14,300	17,918	11,800	416	125	66	
	+ Trong đó số khách có lưu trú	Lượt người	3,480	10,000	17,438	11,800	501	174	68	
	+ Ngày lưu trú/ khách quốc tế	Ngày	1.9	1.9	1.9	1.9	100	100	100	
	+ Mức chi tiêu trong ngày/khách quốc tế	Triệu đồng	2	2	2	2	100	100	100	
	Trong đó: Mức chi tiêu/ khách không lưu trú	Triệu đồng	1	1	1	1	100	100	100	
	- Khách nội địa	Lượt người	219,180	214,150	210,725	256,750	96	98	122	
	+ Trong đó số khách có lưu trú	Lượt người	92,200	147,150	132,955	110,750	144	90	83	
	+ Ngày lưu trú/ khách nội địa	Ngày	2.1	2.1	2.1	2.1	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
	+ Mức chi tiêu trong ngày/khách nội địa	Triệu đồng	1	1	1	1	100	100	100	
	Trong đó: Mức chi tiêu/ khách không lưu trú	Triệu đồng	0.5	0.5	0.5	0.5	100	100	100	
<b>2.3</b>	<b>Doanh thu từ ngành du lịch</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>271.2</b>	<b>385</b>	<b>385</b>	<b>350</b>	<b>142</b>	<b>100</b>	<b>91</b>	
	+ Khách quốc tế	Tỷ đồng	14.1	42.3	66.7	44.8	473	158	67	
	+ Khách nội địa	Tỷ đồng	257	343	318	306	124	93	96	

Biểu số 5

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VẬN TẢI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
1	Vận tải hàng hoá									
1.1	K. lượng hàng hoá vận chuyển	1000 tấn	247.0	213	213	238	86	100	112	
	- Ngoài quốc doanh	1000 tấn	247.0	213	213	238	86	100	112	
1.2	K. lượng hàng hoá luân chuyển	1000 T.km	9,126	7,862	7,862	8,806	86	100	112	
	- Ngoài quốc doanh	1000 T.km	9,126	7,862	7,862	8,806	86	100	112	
2	Vận tải hành khách									
2.1	K. lượng hành khách vận chuyển	1000 hk	559	482	482	539	86	100	112	
	- Ngoài quốc doanh	1000 hk	559	482	482	539	86	100	112	
2.2	K. lượng hành khách luân chuyển	1000 hk.km	45,500	39,200	39,200	44,296	86	100	113	
	- Ngoài quốc doanh	1000 hk.km	45,500	39,200	39,200	44,296	86	100	113	

Biểu số 6

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ - HỢP TÁC XÃ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	61	65	65	69	107	100	106	
	Trong đó: thành lập mới	HTX	4	3	2	3	50	67	150	
2	Số HTX giải thể	HTX	3	3	3	3	100	100	100	
3	Tổng số xã viên hợp tác xã	người	427	455	455	483	107	100	106	
	Trong đó: Xã viên mới	người	28	21	28	21	100	133	75	

**CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI - LAO ĐỘNG - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025							So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thàng					Sùng Phài
<b>1</b>	<b>Đơn vị hành chính</b>																
	- Số đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Đơn vị	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100.0	100.0	100.0	
<b>2</b>	<b>Giảm nghèo</b>																
	- Tổng số hộ dân trên địa bàn	Hộ	12,933	13,019	13,018	13,200	2,416	3,669	2,473	778	1,498	1,334	1,032	100.7	100.0	101.4	
	- Tổng số hộ nghèo toàn Thành phố	Hộ	202	195	165	160	17	7	5	6	6	13	106	81.7	84.6	97.0	
	+ Số hộ thoát nghèo trong năm	Hộ	33	7	37	5							5	112.1	528.6	13.5	
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	1.56	1.50	1.27	1.21	0.7	0.2	0.2	0.8	0.4	1.0	10.3	81.2	84.6	95.6	
	+ Số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	Hộ	175	169	148	148	12	3	4	5	4	9	111	84.6	87.6	100.0	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	%	1.35	1.30	1.14	1.12	0.5	0.1	0.2	0.8	0.3	1.0	11.1	84.2	87.6	98.6	
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0.28	0.06	0.29	0.06								104.5	487.5	18.9	
	- Số hộ cận nghèo hết năm KH	Hộ	103	82	76	72	7	5	4	8	3	15	30	73.8	92.7	94.7	
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo hết năm KH	%	0.80	0.63	0.58	0.55	0.3	0.1	0.2	1.0	0.2	1.1	2.9	73.0	92.7	93.4	
<b>3</b>	<b>Cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>																
	- Tổng số xã, phường	xã, phường	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100.0	100.0	100.0	
	- Tổng số xã toàn thành phố	xã	2	2	2	2						1	1	100.0	100.0	100.0	
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	xã	2	2	2	2						1	1	100.0	100.0	100.0	
	Trong đó: Số xã, phường có đường ô tô đi được quanh năm	xã, phường	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100.0	100.0	100.0	
	- Tỷ lệ bán có đường xe máy đi lại thuận lợi	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	Sân Thàng				Sùng Phài	
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
	- Số xã có chợ xã, liên xã	xã	6	6	6	6	1	1	1	1	-	1	1	100.0	100.0	100.0	
	- Số xã có trạm y tế	xã	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100.0	100.0	100.0	
	- Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
<b>4</b>	<b>Bảo hiểm</b>																
	- Tổng số người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn thành phố	Người	44,439	46,050	46,286	46,286	8,282	13,142	7,365	3,126	4,870	4,740	4,761	104.2	100.5	100.0	
	Trong đó: + Tổng số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	11,074	11,300	11,300	12,099	2,250	5,071	1,760	497	1,445	661	415	102.0	100.0	107.1	
	- Tỷ lệ số người tham gia BHXH, BHYT bắt buộc so với dân số	%	23.5	23.6	23.5	24.7	27.9	35.7	22.0	14.9	27.4	12.5	8.7	99.8	99.2	105.4	
	+ Tổng số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố	Người	9,000	9,298	9,298	9,350	1,783	3,765	1,356	422	1,126	553	345	103.3	100.0	100.6	
<b>5</b>	<b>Lao động</b>																
	- Tổng số người trong độ tuổi lao động	Người	30,654	31,325	31,325	32,012	5,002	9,250	5,013	2,205	3,500	3,642	3,400	102.2	100.0	102.2	
	Tỷ lệ so với dân số	%	64.6	65.1	65.1	65.4	62	65	63	66	66	69	71	100.7	100.0	100.5	
	Trong đó: + Số người trong độ tuổi có khả năng lao động	Người	30,610	31,000	31,000	31,556	4,900	9,250	4,950	2,206	3,430	3,440	3,380	101.3	100.0	101.8	
	+ Số lao động không có khả năng LĐ	Người	149	149	149	150	28	26	11	11	19	31	24	100.0	100.0	100.7	
	- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	31,774	32,125	32,325	33,128	5,198	9,440	5,595	2,365	3,510	3,635	3,385	101.7	100.6	102.5	
	Tỷ lệ so với dân số	%	67.0	66.7	67.1	67.7	65	66	70	71	66	68	71	100.2	100.5	100.9	
	Trong đó: + Lao động thành thị	Người	25,162	25,750	25,750	26,255	4,730	8,860	5,180	1,895	2,930	1,800	860	102.3	100.0	102.0	
	+ Lao động nông thôn	Người	6,642	6,375	6,575	6,845	440	580	415	470	580	1,835	2,525	99.0	103.1	104.1	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thàng				Sùng Phài	
	- Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người	30,675	31,081	31,108	32,290	5,140	9,120	5,339	2,310	3,378	3,472	3,531	101.4	100.1	103.8	
	- Cơ cấu lao động (năm cuối kỳ)	%	100	100.0	100	100								100.0	100.0	100.0	
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	19.9	19.5	19.5	19.0								98.0	100.0	97.3	
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	27.1	27.2	27.2	27.4								100.2	100.0	101.0	
	+ Dịch vụ	%	53.0	53.3	53.3	53.6								100.5	100.0	100.6	
	- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80.4	80.4	80.4	80.7								100.1	100.0	100.3	
<b>6</b>	<b>Đào tạo nghề</b>																
	- Số lao động được đào tạo trong năm	Người	350	250	250	250	30	30	30	30	30	35	65	71.4	100.0	100.0	
	<i>Trong đó: + Lao động nữ</i>	Người	221	181	193	191	25	21	20	25	25	25	50	87.3	106.6	99.0	
	+ Lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng)	Người	250	250	221	250	30	30	30	30	35	30	65	88.4	88.4	113.1	
	- Tổng số lao động đã qua đào tạo, tập huấn	Người	25,880	26,280	26,280	26,949	4,640	7,875	4,224	2,098	2,650	3,020	2,442	101.5	100.0	102.5	
	- Tỷ lệ LĐ qua đào tạo (lũy kế) so với tổng số lao động có khả năng LĐ	%	84.5	84.8	84.8	85.4	94.7	85.1	85.3	95.1	77.3	87.8	72.2	100.3	100.0	100.7	
<b>7</b>	<b>Việc Làm</b>																
	- Giải quyết việc làm cho lao động	Người	950	950	950	970	150	170	140	120	125	150	115	100.0	100.0	102.1	
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	Người	490	495	495	491	87	85	84	58	57	60	60	101.0	100.0	99.2	
	- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người	266	266	266	268	56	45	58	44	37	10	18	100.0	100.0	100.8	
	- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ	665	800	670	700	130	150	120	60	70	120	50	100.8	83.8	104.5	
	<i>Trong đó: + Hộ nghèo</i>	Hộ	30	30	20	15	1	1			1	5	7	66.7	66.7	75.0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	Sân Thàng				Sùng Phải	
	+ Hộ do nữ làm chủ hộ	Hộ	61	61	350	400	53	75	59	55	38	60	60	573.8	573.8	114.3	
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	1.21	1.19	1.19	1.16	1.1	1.1	1.5	1.1	1.0	1.3	0.9	98.3	100.0	97.5	
	Trong đó: Tỷ lệ thất nghiệp nữ khu vực thành thị	%	0.94	0.83	0.80	0.80	0.6	0.5	1.0	0.8	0.9	1.0	1.0	85.1	96.6	100.0	
	- Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động của lực lượng lao động ở Nông thôn	%	83.86	83.9	83.86	83.86	85.0	84.0	82.0	85.0	83.0	85.0	83.0	100.0	100.0	100.0	
	Trong đó: Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nữ ở khu vực nông thôn	%	83.1	83.1	83.14	83.14	83.0	83.0	84.0	80.0	82.0	85.0	85.0	100.0	100.0	100.0	
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	15	10	16	10	2	2	2	1	1	1	1	106.7	160.0	62.5	
<b>8</b>	<b>Trật tự an toàn xã hội</b>																
	- Số người được cai nghiện ma túy	Người	12	10	16	10	2	1	2	1	1	2	1	133.3	160.0	62.5	
	Trong đó: Cai tại Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu	Người	12	10	16	10	2	1	2	1	1	2	1	133.3	160.0	62.5	
	- Cai nghiện bằng thuốc thay thế (methadone)	Lượt Người	240	245	245	245	32	35	90	11	13	48	16	102.1	100.0	100.0	
<b>9</b>	<b>Trẻ em</b>																
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em (lũy kế)	xã	6	7	6	7	1	1	1	1	1	1	1	100.0	85.7	116.7	
	- Tỷ lệ xã, phường phù hợp với trẻ em	%	86	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	116.7	100.0	100.0	
	- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	
	- Khám sàng lọc khuyết tật chi	cháu	6	2	3	2								50.0	150.0	66.7	
	+ Phẫu thuật chi	cháu	2	2	-	-								-	-		
	+ Phẫu thuật ánh mắt trẻ thơ	cháu	3	1	-	-								-	-		



Biểu số 8

**CHỈ TIÊU VỀ ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024/TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.00	
	Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn MT	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.00	
2	Tổng dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh	Hộ	12,937	13,019	13,019	13,200	100.6	100.0	101.39	
	Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.00	
3	Tổng dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Người	12,711	12,968	12,998	13,028	102.3	100.2	100.23	
	+ Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	100	100	100	100	100.0	100.0	100.00	
	+ Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	85	85	72.5	85	85.3	85.3	117.24	
4	Tổng số giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ gia đình và tổ chức									

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024/TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
	Trong đó: Tổng số giấy CNQSĐĐ được cấp trong năm	Giấy	100	120	120	100	120.0	100.0	83.33	
	+ Hộ gia đình	Giấy	100	120	120	100	120.0	100.0	83.33	
	Trong đó: Cấp mới	Giấy	100	120	120	100	120.0	100.0	83.33	
5	Tỷ lệ tổng diện tích đất đã được cấp NQSĐĐ/ tổng diện tích đất cần cấp GCNQSĐĐ	%	96.5	97	96.4	96.5	99.9	99.4	100.10	
	Trong đó: + Hộ gia đình	%	99.5	97	96.4	96.5	96.9	99.4	100.10	

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ - GIA ĐÌNH & TRẺ EM ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch giao năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phài	
1	<b>Tổng số hộ</b>	<b>Hộ</b>	12,933	13,019	13,018	13,200	2,416	3,669	2,473	778	1,498	1,334	1,032	100.7	99.99	101.4	
2	<b>Dân số</b>	<b>Người</b>	47,457	48,133	48,183	48,943	8,054	14,205	8,007	3,332	5,280	5,308	4,757	101.5	100.1	101.6	
	- Dân số trung bình	Người	47,034	47,803	47,803	48,563	7,992	14,094	7,945	3,306	5,239	5,267	4,720	101.6	100.0	101.6	
	+ Dân số thành thị	Người	37,698	37,968	37,968	38,576	7,992	14,094	7,945	3,306	5,239			100.7	100.0	101.6	
	+ Dân số nông thôn	Người	9,759	9,835	9,835	9,987						5,267	4,720	100.8	100.0	101.5	
	- Dân tộc thiểu số	Người	14,129	14,250	14,196	14,275								100.5	99.6	100.6	
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	1.45	1.62	1.61	1.59	2.0	1.6	2.1	0.9	1.5	1.1	1.1	111.0	99.4	98.8	
	- Số trẻ sinh ra	Trẻ	635	620	605	605	103	152	112	25	52	76	85	95.3	97.6	100.0	
	- Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên	Trẻ	58	45	40	40	5	5	5	5	7	5	8	69.0	88.9	100.0	
	- Tỷ suất sinh thô	‰	13.50	12.97	12.66	12.46	12.6	11.0	13.7	8.3	9.9	14.5	17.8	106.6	102.4	101.6	
	- Tỷ suất chết thô	‰	2.9	2.93	2.93	2.88								99.3	100.0	101.7	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	10.7	10.0	9.73	9.58	10.0	9.1	11.0	4.3	7.8	10.1	12.6	109.9	103.2	101.6	
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	(1.1)	0.2	0.80	0.20								(135.0)	20.9	400.0	
3	<b>Kế hoạch hoá gia đình</b>																
	- Tỷ lệ nữ từ 15-49 tuổi so với dân số	%	28.2	28.2	28.2	28.3								100.0	100.0	100.4	
	- Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai	%	71.0	71	71.0	71.0								100.0	100.0	100.0	
	- Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	9.1	7.3	6.5	6.4	4.9	3.3	4.5	20.0	13.5	6.6	9.4	70.9	88.9	99.2	
	- Số cán bộ làm công tác dân Số - gia đình và trẻ em	Người	8	8	7	7								87.5	87.5	100.0	
	T.đó: + Số CB chuyên trách Thành phố	Người	5	5	4	4								80.0	80.0	100.0	
	+ Cán bộ chuyên trách tại xã, phường	Người	3	3	3	3								100.0	100.0	100.0	
	+ Số cộng tác viên dân số bản, tổ dân phố	Người	30	30	30	30	1	1	1	5		9	13	100.0	100.0	100.0	

**CHỈ TIÊU NGÀNH Y TẾ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:								Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024		Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành	Sùng Phài					
<b>I</b>	<b>Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, BVSK</b>																	
1	Tổng số giường bệnh	Giường	30	30	30	40								100	100	133		
	- Giường bệnh tuyến Thành phố	Giường	30	30	30	40								100	100	133		
2	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	6.38	6.28	6.28	8.24								98.4	100.1	131.2		
3	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn	Trạm	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100		
4	Số trạm y tế xã có nữ hộ sinh	trạm	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100		
5	Cơ sở y tế tư nhân	Cơ sở	28	28	28	28								100	100	100		
6	Trung tâm y tế thành phố	TT	1	1	1	1								100	100	100		
7	Số xã, phường có trạm y tế đạt tiêu chí chuẩn quốc gia	xã, phường	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100		
	- Tỷ lệ số xã, phường có trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
8	Khoa chăm sóc SKSS	Khoa	1	1	1	1								100	100	100		
<b>II</b>	<b>Mục tiêu chỉ tiêu hoạt động:</b>																	
1	Tỷ suất chết TE dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%o	7.9	5.41	5.11	5.0								154.0	105.9	102.2		
2	Tỷ suất chết TE dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%o	11.02	9.46	8.52	8.33								129.3	111.0	102.3		
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	9.36	9.20	9.16	9.00	8.31	8.39	8.65	9.38	8.97	9.40	10.57	97.9	99.6	98.3		
4	Tỷ lệ TE < 1 tuổi tiêm đủ 8 loại Vaxcin	%	66.88	97.20	97.20	97.24	96.9	97.3	97.5	97.1	97.3	96.8	96.8	145.3	100.0	100.0		
5	Tỷ lệ có thai được tiêm phòng đủ uốn ván đủ liều	%	98.4	98.5	98.5	98.5	98.8	98.4	98.7	97.1	98.6	98.9	97.9	100.1	100.0	100.0		
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần/ 3 kỳ	%	98	97.1	97.1	97.4	97.7	97.4	97.7	97.8	98	97	97	99.1	100.0	100.3		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó:						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024			
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phải		
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	%	100	99.1	99.2	99.4								99.2	100.1	100.2		
8	Tỷ suất mắc các bệnh																	
	- Lao:	1/100000	8.5	16.7	16.74	14.42								196.9	100.2	86.1		
	- HIV/AIDS	%	0.3	0.31	0.29	0.29								96.7	93.5	100.0		
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96	97.1	96.8	96.8	98.5	98.5	97.5	91.00	97.5	95	99.4	100.8	99.7	100.0		
11	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	50	60	60	95								120.0	100.0	158.3		
III	Tổng số cán bộ y tế của thành phố																	
	Tổng số bác sỹ tuyến thành phố	Bác sỹ	26	26	28	28								107.7	107.7	100.0		
	- Số bác sỹ/10.000 dân	1/10000	5.53	5.44	5.9	5.8								105.9	107.7	98.4		
	- Dược sỹ đại học	Dược sỹ	5	5	5	5								100.0	100.0	100.0		
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường có bác sỹ (bao gồm cả bác sỹ làm việc định kỳ)	%	100	100	100	100								100.0	100.0	100.0		
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	57.14	42.86	42.86	57.14								75.0	100.0	133.3		
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100	100	100	100								100.0	100.0	100.0		
	- Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	96.7	100	100	100								103.4	100.0	100.0		

**CHỈ TIÊU NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

Stt	Chi tiêu	Đơn vị	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phài	
1	<b>Tổng số học sinh có mặt đầu năm học</b>	Cháu	13,056	12,818	12,874	12,798	3,037	3,668	1,917	523	1,353	1,294	1,006	99	100.4	99	
1.1	<b>Hệ mầm non</b>	Cháu	3,606	3,031	3,264	3,080	627	867	508	120	270	335	353	91	107.7	94	
	- Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	787	681	698	725	150	230	120	25	60	65	75	89	102.5	104	
	- Số học sinh mẫu giáo	H/ sinh	2,819	2,350	2,566	2,355	477	637	388	95	210	270	278	91	109.2	92	
1.2	<b>Hệ phổ thông</b>	H/sinh	9,450	9,787	9,610	9,718	2,410	2,801	1,409	403	1,083	959	653	102	98.2	101	
	+ Tiểu học	H/ sinh	5,368	5,439	5,265	5,147	1,210	1,615	740	237	556	544	245	98	96.8	98	
	+ Trung học cơ sở	H/ sinh	4,082	4,348	4,345	4,571	1,200	1,186	669	166	527	415	408	106	99.9	105	
2	<b>Tổng số học sinh là dân tộc thiểu số</b>	H/sinh	4,140	3,951	4,241	4,207	543	613	439	364	330	679	1,239	102	107.3	99	
	+ Mầm non	H/ sinh	1,155	980	1,115	1,083	127	168	138	81	76	147	346	97	113.8	97	
	+ Tiểu học	H/ sinh	1,688	1,641	1,749	1,755	236	260	166	171	137	300	485	104	106.6	100	
	+ Trung học cơ sở	H/ sinh	4,082	1,330	1,377	1,369	180	185	135	112	117	232	408	34	103.5	99	
3	<b>Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi</b>																
	+ Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo được đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100	
	+ Tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100.0	100	
4	<b>Phổ cập giáo dục</b>																
	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS	Xã, phường	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100	
	Phổ cập GDTH tiểu học mức độ 3	Xã, phường	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100	
5	<b>Tổng số giáo viên</b>	Người	726	769	725	735	156	183	106	35	74	84	97	100	94.3	101	

Stt	Chi tiêu	Đơn vị	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó								Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024		Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành	Sùng Phái					
	Giáo viên đạt chuẩn	Người	710	748	709	721	154	181	105	35	74	81	91	100	94.8	102		
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	97.8	97.3	97.8	98.10	98.7	98.9	99.1	100	100	96.4	93.8	100	100.5	100		
	<b>- Cấp mầm non (Bao gồm cả số giáo viên ngoài công lập)</b>	<b>Người</b>	<b>288</b>	<b>298</b>	<b>287</b>	<b>277</b>	<b>55</b>	<b>76</b>	<b>46</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>31</b>	<b>32</b>	<b>100</b>	<b>96.3</b>	<b>97</b>		
	Giáo viên đạt chuẩn	Người	284	293	283	269	55	76	46	10	27	29	26	100	96.6	95		
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	99	98.3	98.6	97.1	100	100	100	100	100	93.5	81.3	100	100.3	98		
	<b>- Cấp Tiểu học</b>	<b>Người</b>	<b>255</b>	<b>265</b>	<b>251</b>	<b>249</b>	<b>55</b>	<b>63</b>	<b>30</b>	<b>14</b>	<b>24</b>	<b>29</b>	<b>34</b>	<b>98</b>	<b>94.7</b>	<b>99</b>		
	Giáo viên đạt chuẩn	Người	246	252	244	245	55	61	29	14	24	28	34	99	96.8	100		
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	96.5	95.1	97.2	98.4	100	96.8	96.7	100	100	96.6	100	101	102.2	101		
	<b>- Cấp THCS</b>	<b>Người</b>	<b>183</b>	<b>206</b>	<b>187</b>	<b>209</b>	<b>46</b>	<b>44</b>	<b>30</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>31</b>	<b>102</b>	<b>90.8</b>	<b>112</b>		
	Giáo viên đạt chuẩn	Người	180	203	182	207	44	44	30	11	23	24	31	101	89.7	114		
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	98	98.5	97.3	99.0	95.7	100	100	100	100	100	100	99	98.8	102		
<b>6</b>	<b>Tổng số trường học</b>	<b>Trường</b>	<b>28.0</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>		
	- Trường mầm non	Trường	12	12	12	12	2	3	2	1	1	1	2	100	100	100		
	- Trường tiểu học	Trường	8	8	8	8	2	2	1	1	1	1		100	100	100		
	- Trường phổ thông cơ sở (liên cấp 1; 2)	Trường	2	2	2	2							2	100	100	100		
	- Trường trung học cơ sở (cấp 2)	Trường	6	6	6	6	1	1	1	1	1	1		100	100	100		
<b>7</b>	<b>Số trường được duy trì và đạt chuẩn quốc gia (các trường MN, TH, THCS)</b>	<b>Trường</b>	<b>22</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>127</b>	<b>100.0</b>	<b>100</b>		
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	22	28	28	28	5	6	4	3	3	3	4	127	100	100		
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	78.6	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	127	100	100		
	+ Cấp mầm non	%	83.3	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	120	100	100		
	+ Cấp Tiểu học	%	87.5	100	100	100	100	100	100	100	100	100		114	100	100		

Stt	Chi tiêu	Đơn vị	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành				Sùng Phái	
	+ Trường trung học cơ sở (cấp 2)	%	66.7	100	100	100	100	100	100	100	100	100		150	100	100	
	+ Trường Liên cấp TH&THCS	%	50.0	100	100	100							100	200	100	100	
	- Số trường đạt chuẩn mức độ II	Trường	15	18	19	19	5	6	4	1	2	1		127	105.6	100	
	Trong đó: + Công nhận mới, công nhận lại và nâng mức độ trường chuẩn Quốc gia	Trường	1	6	13	4	2	1	-	1	-	-	-	1,300	216.7	31	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	53.6	64.3	67.9	67.9	100	100	100	33.3	66.7	33.3	-	127	105.6	100	
<b>8</b>	<b>Tổng số phòng học</b>	<b>Phòng</b>	<b>488</b>	<b>504</b>	<b>497</b>	<b>497</b>	<b>101</b>	<b>104</b>	<b>67</b>	<b>34</b>	<b>57</b>	<b>53</b>	<b>81</b>	<b>102</b>	<b>98.6</b>	<b>100</b>	
	Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
<b>8.1</b>	<b>+ Cấp mầm non</b>	<b>Phòng</b>	<b>172</b>	<b>170</b>	<b>172</b>	<b>172</b>	<b>34</b>	<b>42</b>	<b>27</b>	<b>7</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>24</b>	<b>100</b>	<b>101.2</b>	<b>100</b>	
	Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0	100	100	100	
<b>8.2</b>	<b>+ Cấp Tiểu học</b>	<b>Phòng</b>	<b>172</b>	<b>198</b>	<b>182</b>	<b>182</b>	<b>42</b>	<b>39</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>31</b>	<b>106</b>	<b>91.9</b>	<b>100</b>	
	Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
<b>8.3</b>	<b>+ Cấp THCS</b>	<b>Phòng</b>	<b>144</b>	<b>136</b>	<b>143</b>	<b>143</b>	<b>25</b>	<b>23</b>	<b>20</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>99</b>	<b>105.1</b>	<b>100</b>	
	Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
<b>9</b>	<b>Tỷ lệ huy động</b>																
	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (0-2 tuổi)	%	54.1	54.4	58.8	60.0	70.6	85.1	47.7	51.3	50.9	39.3	28.8	109	108.1	102	
	Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ đi học chung ở cấp tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	%	100	100	99.9	100	100	100	100	100	100	100	100	100	99.9	100	



Stt	Chi tiêu	Đơn vị	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng cộng	Trong đó								Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024		Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành	Sùng Phái					
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
	Tỷ lệ đi học chung cấp Trung học cơ sở	%	99	99.2	99.2	99.2	100	100	100	99	100	99	98	100	100	100		
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	100	99.9	99.9	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT	%	92.7	92	93.8	93.8	99	99	97	100	100	74	60	101	102	100		

**CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025							So sánh (%)			Ghi chú	
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng số	Trong đó						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thàng					Sùng Phài
<b>A</b>	<b>VĂN HÓA - THÔNG TIN</b>																
<b>I</b>	<b>Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động</b>																
<b>1</b>	<b>Điện ảnh</b>																
	- Tổng số buổi hoạt động Nhà nước tài trợ	Buổi	130	118	118	118							91	100	100		
	+ Số buổi chiếu phục vụ chính trị	Buổi	130	118	118	118							91	100	100		
	- Số lượt người xem chiếu bóng trong năm	Lượt	11,000	9,500	14,514	15,000							132	153	103		
<b>2</b>	<b>Nghệ thuật biểu diễn</b>																
	- Số buổi biểu diễn	Buổi	20	20	20	20							100	100	100		
<b>3</b>	<b>Văn hoá thông tin cơ sở</b>																
	- Tổng số đội tuyên truyền lưu động	Đội	2	2	1	1							50	50	100		
	- Số buổi hoạt động	Buổi	121	52	101	50							83	194	50		
	Trong đó: + TTLĐ tỉnh	Buổi															
	+ Thành phố	Buổi	121	52	101	50							83	194	50		
	- Số bản, tổ dân phố đăng ký danh hiệu VH	Tổ DP, bản	72	72	72	72	13	15	8	6	8	9	13	100	100	100	
	Trong đó: Số bản, tổ dân phố được công nhận trong năm	Tổ DP, bản	72	72	72	72	13	15	8	6	8	9	13	100	100	100	
	- Tỷ lệ bản, tổ dân phố được công nhận VH	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
	- Số hộ đăng ký gia đình văn hoá	Hộ	12,646	12,930	12,930								102	100	0	(*)	
	Trong đó: Số hộ được công nhận	Hộ	12,300	12,460	12,460	12,500	2,257	3,456	2,375	738	1,431	1,265	978	101	100	100	
	- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận VH	%	96.6	96.3	96.3	96.3	96.0	97.1	96.7	93.5	97.2	95.8	96.4	100	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Tổng số	Kế hoạch năm 2025							So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Trong đó							Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	San Thành	Sùng Phài				
	- Số cơ quan, đơn vị, trường học đăng ký tiêu chuẩn văn hóa trong năm	CQ, ĐV, TrH	104	102	102	107								98	100	105	
	Trong đó: Số cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận trong năm	CQ, ĐV, TrH	102	100	100	105								98	100	105	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận trong năm	%	98.1	98.0	98.0	98.1								100	100	100	
	- Tổng số tuyển phổ đạt tuyển phổ văn minh	Tuyển	109	112	113	117	14	49	40	3	11			104	101	104	
	Trong đó: Số tuyển phổ được công nhận trong năm	Tuyển	20	4	4	4		2	2					20	100	100	
	- Tỷ lệ tuyển phổ đạt tuyển phổ văn minh	%	83.2	85.5	86.3	89.3								104	101	104	
	Phường đạt chuẩn đô thị văn minh	Phường		4	4	4	1	1	1		1				100	100	
	Trong đó công nhận mới	Phường		4	4	4	1	1	1		1				100	100	
<b>4</b>	<b>Thư viện</b>	<b>Nhà</b>															
	- Số sách mới	Bản		450											0		
	- Tổng số sách có trong thư viện	Bản	6,803	7,253	6,803	7,253								100	94	107	
	- Tổng số lượt người đọc trong năm	Lượt	9,000	9,000	9,215	9,000								102	102	98	
<b>5</b>	<b>Bảo tồn, bảo tàng</b>																
	- Số di tích đã được xếp hạng	Di tích	2	2	2	2								100	100	100	
<b>6</b>	Số xã, phường có nhà văn hóa, thư viện	Xã, phường	7	7	7	7	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	100	100	100	
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất cho hoạt động VH TT</b>																
<b>1</b>	<b>Số nhà văn hoá trên địa bàn</b>	<b>Nhà</b>	<b>82</b>	<b>82</b>	<b>82</b>	<b>82</b>	<b>13</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>16</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	-
	- Thành phố quản lý	Nhà	1	1	1	1					1			100	100	100	
	- Xã, phường quản lý	Nhà	7	7	7	7	1	1	1	1	1	1	1	100	100	100	
	- Tổ dân phố, bản quản lý	Nhà	74	74	74	74	12	17	7	6	9	8	15	100	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025								So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm	Tổng số	Trong đó						Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024		
							Đoàn Kết	Tân Phong	Đông Phong	Quyết Thắng	Quyết Tiến	Sân Thành				Sùng Phài	
<b>B</b>	<b>THỂ DỤC - THỂ THAO</b>																
1	Số người tham gia tập luyện thường xuyên	Người	20,664	21,387	21,403	22,014	6,000	5,695	3,380	1,291	2,520	2,408	720	104	100	103	
-	Tỷ lệ so với dân số	%	44	44.4	44.4	45.0	74.5	40.1	42.2	38.7	47.7	45.4	15.1	102	100	101	
2	Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao	Gia đình	4,774	4,848	4,877	4,902	1,320	995	741	498	580	538	230	102	101	101	
3	Số câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	CLB	129	132	137	137	28	35	24	10	13	16	11	106	104	100	
4	Cơ sở thi đấu TDTT đúng tiêu chuẩn																
-	Sân vận động	sân	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	100	100	100	
-	Nhà luyện tập thể thao	nhà	61	61	61	61	9	30	11	6	2	1	1	100	100	100	

(\*) Từ năm 2025 các tổ dân phố bản không thực hiện việc đăng ký "Gia đình văn hóa" mà thực hiện xét khi các hộ gia đình không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Phường, thị trấn tiêu biểu".

Biểu số 13

**CHỈ TIÊU VỀ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG - PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024 - KẾ HOẠCH NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
<b>I</b>	<b>Bưu chính</b>									
1	- Mạng bưu cục									
	+ Bưu cục cấp 1	Bưu cục	1	1	1	1	100	100	100	
	+ Bưu cục cấp 3	Bưu cục	1	1	1	1	100	100	100	
2	- Điểm bưu điện văn hóa xã	Điểm	3	3	3	3	100	100	100	
<b>II</b>	<b>Viễn thông</b>									
1	Tổng số trạm BTS	Trạm	293	309	309	309	105	100	100	
2	Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	92,530	92,545	92,545	92,545	100	100	100	
3	Số thuê bao điện thoại/1000 dân	Thuê bao	1,800	1,890	1,890	1,890	105	100	100	
4	Tỷ lệ xã có điện thoại đến trung tâm xã	%	100	100	100	100	100	100	100	
5	Tổng số thuê bao internet	Thuê bao	14,920	17,890	17,890	19,567	120	100	109	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước TH cả năm		Ước TH cả năm 2024 / TH năm 2023	Ước TH năm 2024/ Kế hoạch giao năm 2024	Kế hoạch năm 2025/ Ước TH năm 2024	
6	Số xã, phường có mạng internet	Xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu hoạt động</b>									
1	Tổng số giờ phát thanh	Giờ/năm	2,450	2,170	2,408	2,170	98	111	90	
	- Số giờ phát thanh từ đài Thành phố sản xuất	Giờ/năm	180	170	188	170	104	111	90	
2	Tổng số giờ phát sóng FM	Giờ/năm	2,270	2,000	2,220	2,000	98	111	90	
3	Tỷ lệ số hộ xem được Đài TH Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100	100	
4	Tỷ lệ số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100	100	
<b>IV</b>	<b>Cơ sở vật chất cho hoạt động PT-TH</b>									
1	Số trạm phát sóng FM	Trạm	8	8	8	8	100	100	100	
	- FM huyện, xã	Trạm	7	7	7	7	100	100	100	
2	Số trạm truyền thanh thành phố	Trạm	1	1	1	1	100	100	100	